

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



CÔNG BÁO

Thành phố Hồ Chí Minh

Số 135 + 136

Ngày 01 tháng 5 năm 2026

MỤC LỤC

Trang

VĂN BẢN KHÁC

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

12-01-2026	Quyết định số 170/QĐ-UBND về việc công bố danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Y, Dược cổ truyền thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Y tế.	04
12-01-2026	Quyết định số 189/QĐ-UBND về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ các lĩnh vực Chuẩn tiếp cận pháp luật; Phổ biến giáo dục pháp luật thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tư pháp.	09
12-01-2026	Quyết định số 190/QĐ-UBND về việc công bố danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Quốc tịch thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tư pháp.	18

12-01-2026	Quyết định số 215/QĐ-UBND về việc công bố danh mục thủ tục hành chính mới ban hành lĩnh vực Y, Dược cổ truyền thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Y tế.	28
15-01-2026	Quyết định số 322/QĐ-UBND về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ lĩnh vực Tư pháp thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tư pháp.	32
15-01-2026	Quyết định số 325/QĐ-UBND về việc công bố danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Trồng trọt và Bảo vệ thực vật thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở An toàn thực phẩm.	50
15-01-2026	Quyết định số 327/QĐ-UBND về việc công bố danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Hòa giải ở cơ sở thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tư pháp.	55
15-01-2026	Quyết định số 328/QĐ-UBND về việc công bố danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực Di sản văn hóa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Văn hóa và Thể thao.	59
16-01-2026	Quyết định số 344/QĐ-UBND bãi bỏ Quyết định số 35/2018/QĐ-UBND ngày 21 tháng 9 năm 2018 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về giá tối đa dịch vụ trông giữ xe đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh và bãi bỏ khoản 4 Điều 4 Quyết định số 14/2017/QĐ-UBND ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu quy định giá dịch vụ trông giữ xe trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.	74

-
- | | | |
|------------|---|----|
| 16-01-2026 | Quyết định số 358/QĐ-UBND về việc phê duyệt quy trình nội bộ, quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính không phụ thuộc vào địa giới hành chính các lĩnh vực Công nghệ thông tin và Quản lý giá thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tài chính. | 76 |
| 17-01-2026 | Quyết định số 380/QĐ-UBND về bãi bỏ Chỉ thị số 17/2013/CT-UBND ngày 31 tháng 10 năm 2013 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc triển khai thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. | 88 |
| 17-01-2026 | Quyết định số 381/QĐ-UBND về bãi bỏ các Quyết định của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu ban hành các Quy chế phối hợp quản lý nhà nước trong công tác quản lý xử lý vi phạm hành chính và công tác bồi thường nhà nước. | 90 |
| 17-01-2026 | Quyết định số 382/QĐ-UBND về bãi bỏ các văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, tỉnh Bình Dương, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu trước sắp xếp thuộc lĩnh vực an ninh, trật tự. | 92 |

VĂN BẢN KHÁC

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 170/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 01 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung
lĩnh vực Y, Dược cổ truyền thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Y tế

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định có liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Y tế tại Tờ trình số 18/TTr-SYT ngày 06 tháng 01 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này danh mục **05** thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Y, Dược cổ truyền thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở

Y tế.

Danh mục thủ tục hành chính được đăng tải trên Cổng Thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân Thành phố tại <https://hochiminhcity.gov.vn> và Cổng Dịch vụ công quốc gia tại <https://dichvucong.gov.vn/p/home/dvc-trang-chu.html>.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 31 tháng 12 năm 2025.

Bãi bỏ nội dung công bố thủ tục:

- Thứ tự 1 tại Danh mục thủ tục hành chính ban hành kèm theo Quyết định số 3306/QĐ-UBND ngày 27/6/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về việc công bố danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực Y, Dược cổ truyền thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Y tế.

- Thứ tự IV.1, IV.2 và IV.3 tại Danh mục thủ tục hành chính ban hành kèm theo Quyết định số 632/QĐ-UBND ngày 13/8/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về việc công bố danh mục thủ tục hành chính các lĩnh vực Khám bệnh, chữa bệnh; Thiết bị y tế; Phòng bệnh; Y, Dược cổ truyền thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Y tế.

- Thứ tự A.5 tại Danh mục thủ tục hành chính ban hành kèm theo Quyết định số 1964/QĐ-UBND ngày 05/6/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về việc công bố danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực lĩnh vực Y, Dược cổ truyền thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Y tế.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Y tế, Giám đốc Trung tâm Chuyên đổi số Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Mạnh Cường

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI,
BỔ SUNG LĨNH VỰC Y, DƯỢC CỔ TRUYỀN
THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ Y TẾ**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 170/QĐ-UBND ngày 12 tháng 01 năm 2026
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)*

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
1	Cấp giấy chứng nhận lương y theo quy định cho các đối tượng quy định tại khoản 1, 2 và khoản 3 Điều 1 Thông tư số 02/2024/TT-BYT (Mã TTHC: 1.012415)	20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	- Trung tâm Phục vụ hành chính công Thành phố. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	Cơ quan chuyên môn về y tế thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (Sở Y tế)	Phí thẩm định cấp giấy chứng nhận lương y: 2.500.000 đồng	- Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 15/2023/QH15 ngày 09 tháng 01 năm 2023; - Thông tư số 02/2024/TT-BYT ngày 12 tháng 3 năm 2024 quy định cấp giấy chứng nhận lương y, giấy chứng nhận người có bài thuốc gia truyền, giấy chứng nhận người có phương pháp chữa bệnh gia truyền và kết hợp y học cổ truyền với y học hiện đại tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh; - Thông tư số 59/2023/TT-BTC ngày 30 tháng 8 năm 2023 của Bộ Tài chính quy định mức thu, nộp, quản lý và
2	Cấp giấy chứng nhận lương y theo quy định cho các đối tượng quy định tại khoản 4, 5 và khoản 6 Điều 1 Thông tư số 02/2024/TT-BYT (Mã TTHC: 1.012416)	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	- Trung tâm Phục vụ hành chính công Thành phố. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	Cơ quan chuyên môn về y tế thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (Sở Y tế)	Phí thẩm định cấp giấy chứng nhận lương y: 2.500.000 đồng	
3	Cấp lại giấy chứng nhận lương y (Mã TTHC: 1.012415)	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ	- Trung tâm Phục vụ hành chính công Thành phố. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	Cơ quan chuyên môn về y tế thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (Sở Y tế)	Không có	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
	1.012417)	hợp lệ	Thành phố. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	nhân dân cấp tỉnh (Sở Y tế)		sử dụng phí trong lĩnh vực y tế; - Thông tư số 15/2025/TT-BYT ngày 14 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế
4	Cấp giấy chứng nhận người có bài thuốc gia truyền, giấy chứng nhận người có phương pháp chữa bệnh gia truyền (Mã TTHC: 1.012418)	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	- Trung tâm Phục vụ hành chính công Thành phố. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	Cơ quan chuyên môn về y tế thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (Sở Y tế)	2.500.000 đồng	quy định về phân cấp, phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực y, dược cổ truyền; - Thông tư số 49/2025/TT-BYT ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế
5	Cấp lại giấy chứng nhận người có bài thuốc gia truyền, giấy chứng nhận người có phương pháp chữa bệnh gia truyền (Mã TTHC: 1.012419)	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	- Trung tâm Phục vụ hành chính công Thành phố. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	Cơ quan chuyên môn về y tế thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (Sở Y tế)	Không có	sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2024/TT-BYT ngày 12 tháng 3 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định cấp giấy chứng nhận lương y, giấy chứng nhận người có bài thuốc gia truyền, giấy chứng nhận người có phương pháp chữa bệnh gia truyền và kết hợp y học cổ truyền với y học hiện đại tại cơ sở khám bệnh, chữa

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
						bệnh; - Quyết định số 4036/QĐ-BYT ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế về công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Y, Dược học cổ truyền quy định tại Thông tư số 49/2025/TT-BYT ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2024/TT-BYT ngày 12 tháng 03 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 189/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 01 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ các lĩnh vực Chuẩn tiếp cận pháp luật;
Phổ biến giáo dục pháp luật thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tư pháp

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 8851/TTr-STP ngày 31 tháng 12 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này 01 thủ tục hành chính nội bộ mới ban hành lĩnh vực Chuẩn tiếp cận pháp luật và 02 thủ tục hành chính nội bộ được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Phổ biến giáo dục pháp luật thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tư pháp.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Bãi bỏ nội dung công bố thủ tục hành chính nội bộ có thứ tự 4, 5 ban hành kèm theo Quyết định số 5918/QĐ-UBND ngày 21 tháng 12 năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tư pháp.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Giám đốc Sở Tư pháp, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Mạnh Cường

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ CÁC LĨNH VỰC
CHUẨN TIẾP CẬN PHÁP LUẬT; PHỔ BIẾN GIÁO DỤC PHÁP LUẬT
THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ TƯ PHÁP**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 189/QĐ-UBND ngày 12 tháng 01 năm 2026
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)*

PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ

A. Danh mục thủ tục hành chính nội bộ mới ban hành lĩnh vực Chuẩn tiếp cận pháp luật thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp tỉnh

Stt	Tên thủ tục hành chính nội bộ
1	Thủ tục Đánh giá, công nhận phường, xã, đặc khu đạt chuẩn tiếp cận pháp luật

B. Danh mục thủ tục hành chính nội bộ được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Phổ biến, giáo dục pháp luật thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp tỉnh

Stt	Tên thủ tục hành chính nội bộ
1	Thủ tục công nhận báo cáo viên pháp luật Thành phố
2	Thủ tục miễn nhiệm báo cáo viên pháp luật Thành phố

PHẦN II. NỘI DUNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ

A. Lĩnh vực Chuẩn tiếp cận pháp luật

1. Thủ tục đánh giá, công nhận phường, xã, đặc khu đạt chuẩn tiếp cận pháp luật

a) Trình tự thực hiện:

- Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu (sau đây gọi là cấp xã) tổ chức họp, đánh giá kết quả thực hiện và mức độ đạt của từng tiêu chí, chỉ tiêu tiếp cận pháp luật; niêm yết hoặc đăng tải công khai kết quả tự đánh giá trong ít nhất là 10 ngày để lấy ý kiến của cơ quan, tổ chức, cá nhân trên địa bàn; gửi hồ sơ đề nghị công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật đến Sở Tư pháp trước ngày 25 tháng 11 của năm đánh giá.

- Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tư pháp tổ chức

thẩm định bằng hình thức phù hợp, xây dựng báo cáo kết quả thẩm định hồ sơ và mức độ đạt chuẩn tiếp cận pháp luật của từng đơn vị cấp xã; trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi là cấp tỉnh) xem xét, quyết định công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.

b) Cách thức thực hiện: Không quy định

c) Thành phần, số lượng hồ sơ: 01 bộ hồ sơ gồm:

- Hồ sơ Ủy ban nhân dân cấp xã gửi Sở Tư pháp đề nghị thẩm định:

+ Văn bản đề nghị công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật (Mẫu 01 Phụ lục II Thông tư số 15/2025/TT-BTP);

+ Bản tự đánh giá mức độ đạt chuẩn các tiêu chí, chỉ tiêu tiếp cận pháp luật (Mẫu 02 Phụ lục II Thông tư số 15/2025/TT-BTP);

+ Bản tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến của cơ quan, tổ chức, cá nhân về kết quả tự đánh giá mức độ đạt chuẩn các tiêu chí, chỉ tiêu tiếp cận pháp luật (nếu có) (Mẫu 03 Phụ lục II Thông tư số 15/2025/TT-BTP);

+ Biên bản cuộc họp đề nghị xét, công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật (Mẫu 04 Phụ lục II Thông tư số 15/2025/TT-BTP);

+ Tài liệu chứng minh mức độ đạt các tiêu chí, chỉ tiêu tiếp cận pháp luật.

- Hồ sơ Sở Tư pháp trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh bao gồm:

+ Hồ sơ đề nghị công nhận đạt chuẩn tiếp cận pháp luật của cấp xã;

+ Báo cáo kết quả thẩm định hồ sơ và mức độ đạt chuẩn tiếp cận pháp luật (Mẫu 05 Phụ lục II Thông tư số 15/2025/TT-BTP);

+ Dự thảo Quyết định công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật (Mẫu 06 Phụ lục II Thông tư số 15/2025/TT-BTP).

d) Thời hạn giải quyết hồ sơ:

- Thời hạn nộp hồ sơ đối với cấp xã: Trước ngày 25/11 hàng năm (thời gian cụ thể do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định).

- Thời hạn thẩm định hồ sơ của Sở Tư pháp: 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- Thời hạn Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật: Không quy định.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp xã.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Văn bản đề nghị công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật (Mẫu 01 Phụ lục II Thông tư số 15/2025/TT-BTP).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Cấp xã được công nhận đạt chuẩn tiếp cận pháp luật khi đạt đủ các tiêu chí, chỉ tiêu quy định tại Điều 4 của Quyết định số 27/2025/QĐ-TTg ngày 04/8/2025 của Thủ tướng Chính phủ quy định về xã, phường, đặc khu đạt chuẩn tiếp cận pháp luật (Nội dung, mức độ đạt chuẩn các tiêu chí, chỉ tiêu tiếp cận pháp luật được quy định tại Phụ lục I Thông tư số 15/2025/TT-BTP ngày 11/9/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành Quyết định số 27/2025/QĐ-TTg).

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Quyết định số 27/2025/QĐ-TTg ngày 04/8/2025 của Thủ tướng Chính phủ quy định về xã, phường, đặc khu đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.

- Thông tư số 15/2025/TT-BTP ngày 11/9/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành Quyết định số 27/2025/QĐ-TTg ngày 04/8/2025 của Thủ tướng Chính phủ quy định về xã, phường, đặc khu đạt chuẩn tiếp cận pháp luật./.

B. Lĩnh vực Phổ biến, giáo dục pháp luật

1. Thủ tục công nhận báo cáo viên pháp luật Thành phố

a) Trình tự thực hiện: Hàng năm, Sở Tư pháp có văn bản đề nghị các cơ quan, đơn vị rà soát, kiện toàn đội ngũ báo cáo viên pháp luật. Các cơ quan, tổ chức căn cứ vào yêu cầu công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và điều kiện thực tế chỉ đạo tổ chức pháp chế, đơn vị được giao phụ trách công tác pháp chế, phổ biến, giáo dục pháp luật và các đơn vị có liên quan của cơ quan, tổ chức mình rà soát, lựa chọn cán bộ, công chức, viên chức và sỹ quan trong lực lượng vũ trang nhân dân có đủ tiêu chuẩn quy định tại Khoản 2 Điều 35 Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật năm 2012 để

Thủ trưởng cơ quan, tổ chức có văn bản đề nghị công nhận báo cáo viên pháp luật gửi Sở Tư pháp tổng hợp, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, quyết định công nhận báo cáo viên pháp luật. Số lượng báo cáo viên pháp luật của các cơ quan, tổ chức do Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức quyết định bảo đảm mỗi lĩnh vực pháp luật thuộc phạm vi quản lý chuyên sâu có ít nhất 01 (một) báo cáo viên pháp luật kiêm nhiệm thực hiện hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật.

Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc sau khi nhận được văn bản của Sở Tư pháp, các cơ quan, đơn vị có văn bản đề nghị công nhận báo cáo viên pháp luật gửi đến Sở Tư pháp với đầy đủ thông tin quy định tại khoản 1 Điều 6 Quy định này.

Trường hợp văn bản đề nghị công nhận báo cáo viên pháp luật không có đủ thông tin theo quy định thì trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản, Sở Tư pháp có văn bản đề nghị bổ sung thông tin.

Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc sau khi nhận được văn bản đề nghị công nhận của các cơ quan, đơn vị, Sở Tư pháp tổng hợp, xây dựng dự thảo Quyết định công nhận báo cáo viên pháp luật, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, quyết định.

b) Cách thức thực hiện: nộp trực tiếp tại Sở Tư pháp hoặc trực tuyến qua Hệ thống quản lý văn bản và điều hành Sở Tư pháp.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ: 01 bộ hồ sơ gồm Văn bản đề nghị công nhận báo cáo viên pháp luật Thành phố phải có đầy đủ các thông tin sau đây của người được đề nghị công nhận: Họ và tên; Chức vụ, chức danh (nếu có) và cơ quan, đơn vị công tác; Trình độ chuyên môn; Lĩnh vực pháp luật chuyên môn sâu dự kiến kiêm nhiệm thực hiện hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật.

d) Thời hạn giải quyết: Trong thời gian 05 (năm) ngày làm việc.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính nội bộ: Các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố và các tổ chức thành viên, Công an Thành phố, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố, Tòa án nhân dân Thành phố, Thi hành án dân sự Thành phố, Bộ Tư lệnh Thành phố và cơ quan nhà nước Thành phố khác, các cá nhân có liên quan đến trình tự, thủ tục công nhận báo cáo viên pháp luật.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính nội bộ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính nội bộ: Quyết định công nhận báo cáo viên pháp luật.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính nội bộ

Báo cáo viên pháp luật phải có đủ các tiêu chuẩn sau:

- Có phẩm chất đạo đức tốt, lập trường tư tưởng vững vàng, có uy tín trong công tác;

- Có khả năng truyền đạt;

- Có bằng tốt nghiệp đại học luật và thời gian công tác trong lĩnh vực pháp luật ít nhất là 02 năm; trường hợp không có bằng tốt nghiệp đại học luật, nhưng có bằng tốt nghiệp đại học khác thì phải có thời gian công tác liên quan đến pháp luật ít nhất là 03 năm.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính nội bộ:

- Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật số 14/2012/QH13 của Quốc hội ngày 20 tháng 6 năm 2012.

- Nghị định số 28/2013/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật.

- Nghị định số 121/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp.

- Thông tư số 10/2016/TT-BTP ngày 22 tháng 7 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định về báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật.

- Thông tư số 08/2025/TT-BTP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp và phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp.

- Thông tư số 09/2025/TT-BTP ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Tư pháp thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thuộc Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu trong lĩnh vực Tư pháp.

- Thông tư số 11/2025/TT-BTP ngày 25 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều của các Thông tư thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp.

- Quyết định số 3124/QĐ-BTP ngày 27/10/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ thay thế trong lĩnh vực chuẩn tiếp cận pháp luật thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.

- Quyết định số 2029/QĐ-UBND ngày 09 tháng 10 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quy định về trình tự, thủ tục công nhận, miễn nhiệm báo cáo viên pháp luật Thành phố trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Thủ tục miễn nhiệm báo cáo viên pháp luật Thành phố

a) Trình tự thực hiện: Hàng năm, trên cơ sở văn bản đề nghị của Sở Tư pháp gửi các cơ quan, đơn vị rà soát, kiện toàn đội ngũ báo cáo viên pháp luật quy định. Trong thời gian 05 (năm) ngày làm việc kể từ khi nhận được văn bản, các cơ quan, đơn vị thực hiện rà soát và có văn bản đề nghị miễn nhiệm báo cáo viên pháp luật nếu thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 4 Thông tư số 10/2016/TT-BTP ngày 22 tháng 7 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định về báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật và thông báo cho báo cáo viên pháp luật biết lý do. Văn bản đề nghị miễn nhiệm gửi đến Sở Tư pháp với đầy đủ thông tin theo quy định.

Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị miễn nhiệm của các cơ quan, đơn vị, Sở Tư pháp dự thảo Quyết định miễn nhiệm báo cáo viên pháp luật, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, quyết định. Trường hợp văn bản đề nghị miễn nhiệm báo cáo viên pháp luật không có đủ thông tin theo quy định thì trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản, Sở Tư pháp có văn bản đề nghị bổ sung thông tin.

b) Cách thức thực hiện: nộp trực tiếp tại Sở Tư pháp hoặc trực tuyến qua Hệ thống quản lý văn bản và điều hành Sở Tư pháp.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ: 01 bộ hồ sơ gồm Văn bản đề nghị miễn nhiệm phải có đầy đủ các thông tin sau đây của báo cáo viên pháp luật được đề nghị miễn nhiệm: Họ và tên; Chức vụ, chức danh (nếu có) và cơ quan, đơn vị công tác; Số, ngày, tháng, năm của Quyết định công nhận báo cáo viên pháp luật; Lý do của việc đề nghị miễn nhiệm.

d) Thời hạn giải quyết: Trong thời gian 05 (năm) ngày làm việc.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính nội bộ: Các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố và các tổ chức thành viên, Công an Thành phố, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố, Tòa án nhân dân Thành phố, Thi hành án dân sự Thành phố, Bộ Tư lệnh Thành phố và cơ quan nhà nước Thành phố khác, các cá nhân có liên quan đến trình tự, thủ tục công nhận báo cáo viên pháp luật.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính nội bộ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính nội bộ: Quyết định miễn nhiệm báo cáo viên pháp luật.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính nội bộ

Các trường hợp miễn nhiệm báo cáo viên pháp luật bao gồm:

- Tự nguyện xin thôi làm báo cáo viên pháp luật vì lý do sức khỏe, hoàn cảnh gia đình hoặc vì lý do chính đáng khác;

- Không còn là cán bộ, công chức, viên chức, sỹ quan trong lực lượng vũ trang nhân dân hoặc chuyển công tác khỏi cơ quan, tổ chức đã đề nghị công nhận báo cáo viên pháp luật;

- Không còn đủ tiêu chuẩn quy định tại Khoản 2 Điều 35 Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật;

- Từ chối không thực hiện hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật theo sự phân công của cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý trực tiếp mà không có lý do chính đáng từ 03 lần trở lên;

- Thực hiện một trong các hành vi bị cấm quy định tại Điều 9 Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật;

- Bị Tòa án kết án và bản án đã có hiệu lực pháp luật;

- Mất năng lực hành vi dân sự hoặc có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự theo quy định của Bộ luật dân sự.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính nội bộ:

- Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật số 14/2012/QH13 của Quốc hội ngày 20 tháng 6 năm 2012.

- Nghị định số 28/2013/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật.

- Nghị định số 121/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp.

- Thông tư số 10/2016/TT-BTP ngày 22 tháng 7 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định về báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật.

- Thông tư số 08/2025/TT-BTP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp và phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp.

- Thông tư số 09/2025/TT-BTP ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Tư pháp thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thuộc Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu trong lĩnh vực Tư pháp.

- Thông tư số 11/2025/TT-BTP ngày 25 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều của các Thông tư thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp.

- Quyết định số 3124/QĐ-BTP ngày 27/10/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ thay thế trong lĩnh vực chuẩn tiếp cận pháp luật thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.

- Quyết định số 2029/QĐ-UBND ngày 09 tháng 10 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quy định về trình tự, thủ tục công nhận, miễn nhiệm báo cáo viên pháp luật Thành phố trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh./.

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 190/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 01 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính
được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Quốc tịch
thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tư pháp

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định có liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 22/TTr-STP ngày 05 tháng 01 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này danh mục **05** thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Quốc tịch thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tư pháp.

Danh mục thủ tục hành chính được đăng tải trên Cổng Thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân Thành phố tại <https://hochiminhcity.gov.vn> và Cổng Dịch vụ công quốc gia tại <https://dichvucong.gov.vn/p/home/dvc-trang-chu.html>.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Bãi bỏ nội dung công bố danh mục thủ tục hành chính ban hành kèm theo Quyết định số 306/QĐ-UBND ngày 24 tháng 7 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về việc công bố danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Quốc tịch thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tư pháp.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Tư pháp, Giám đốc Trung tâm Chuyên đổi số Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Mạnh Cường

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
LĨNH VỰC QUỐC TỊCH THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ
CỦA SỞ TƯ PHÁP**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 190/QĐ-UBND ngày 12 tháng 01 năm 2026
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)*

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
1	Cấp Giấy xác nhận là người gốc Việt Nam	Thời gian thực tế giải quyết hồ sơ tại các cơ quan có thẩm quyền là: 53 ngày đối với hồ sơ xác minh thông thường hoặc 68 ngày đối với hồ sơ xác minh phức tạp.	- Trực tiếp: + Trung tâm Phục vụ hành chính công Thành phố: (i) Khu vực Thành phố Hồ Chí Minh: 43 Nguyễn Văn Bá, phường Thủ Đức; (ii) Khu vực Bình Dương: Tòa nhà Trung tâm hành chính, đường Lê Lợi, phường Bình Dương; (iii) Khu vực Bà Rịa - Vũng Tàu: Trung tâm hành chính công, số 4 Nguyễn Tất Thành, phường Bà Rịa.	Sở Tư pháp	- 100.000 đồng/trường hợp - Miễn phí đối với: người di cư từ Lào được xin xác nhận là người gốc Việt Nam theo quy định của điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên; kiều bào Việt Nam tại các nước láng giềng có chung đường biên giới đất liền với Việt Nam có hoàn cảnh	- Luật Quốc tịch Việt Nam năm 2008 (được sửa đổi bổ sung năm 2025); - Nghị định số 191/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Quốc tịch Việt Nam; - Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP ngày 15/11/2025 của Chính phủ quy định cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính dựa trên dữ liệu; - Thông tư số 12/2025/TT-BTP ngày 01/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành, hướng dẫn sử dụng, quản lý mẫu sổ quốc tịch và mẫu giấy tờ về quốc tịch; - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
			<p>+ Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.</p> <p>- Trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia: http://dichvu.congquocgia.gov.vn</p>		kinh tế khó khăn, có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã, nơi cư trú.	<p>Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch;</p> <p>- Quyết định số 3713/QĐ-BTP ngày 26/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực quốc tịch thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.</p>
2	Nhập quốc tịch Việt Nam ở trong nước	105 ngày (thời gian thực tế giải quyết hồ sơ tại các cơ quan có thẩm quyền)	<p>- Trực tiếp:</p> <p>+ Trung tâm Phục vụ hành chính công Thành phố:</p> <p>(i) Khu vực Thành phố Hồ Chí Minh: 43 Nguyễn Văn Bá, phường Thủ Đức;</p> <p>(ii) Khu vực Bình Dương: Tòa nhà Trung tâm</p>	Sở Tư pháp, Bộ Tư pháp	<p>- 3.000.000 đồng/trường hợp</p> <p>- Miễn lệ phí đối với những trường hợp sau:</p> <p>+ Người có công lao đặc biệt đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc</p>	<p>- Luật Quốc tịch Việt Nam năm 2008 (được sửa đổi bổ sung năm 2025);</p> <p>- Nghị định số 191/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Quốc tịch Việt Nam;</p> <p>- Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP ngày 15/11/2025 của Chính phủ quy định cắt</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
			<p>hành chính, đường Lê Lợi, phường Bình Dương; (iii) Khu vực Bà Rịa - Vũng Tàu: Trung tâm hành chính công, số 4 Nguyễn Tất Thành, phường Bà Rịa. + Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã. - Trực tuyến tại Công dịch vụ công quốc gia: http://dichvu.congquocgia.gov.vn</p>		<p>Việt Nam (phải là người được tặng thưởng Huân chương, Huy chương, danh hiệu cao quý khác của Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam, Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam hoặc được cơ quan, chức thẩm quyền của Việt Nam nhận công đặc biệt đó). + Người không quốc tịch có hoàn</p>	<p><i>giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính dựa trên dữ liệu;</i> - Thông tư số 12/2025/TT-BTP ngày 01/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành, hướng dẫn sử dụng, quản lý mẫu sổ quốc tịch và mẫu giấy tờ về quốc tịch. - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch; - Quyết định số 3713/QĐ-BTP ngày 26/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực quốc tịch thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
					cảnh kinh tế khó khăn, có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã, nơi cư trú.	
3	Trở lại quốc tịch Việt Nam ở trong nước	85 ngày (thời gian thực tế giải quyết hồ sơ tại các cơ quan có thẩm quyền)	<p>- Trực tiếp: + Trung tâm Phục vụ hành chính công Thành phố:</p> <p>(i) Khu vực Thành phố Hồ Chí Minh: 43 Nguyễn Văn Bá, phường Thủ Đức;</p> <p>(ii) Khu vực Bình Dương: Tòa nhà Trung tâm hành chính, đường Lê Lợi, phường Bình Dương;</p> <p>(iii) Khu vực Bà Rịa - Vũng Tàu: Trung tâm hành chính công, số 4 Nguyễn Tất Thành, phường Bà</p>	Sở Tư pháp, Bộ Tư pháp	<p>- 2.500.0000 đồng/trường hợp</p> <p>- Miễn lệ phí đối với người mất quốc tịch xin trở lại quốc tịch Việt Nam mà có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã, nơi cư trú.</p>	<p>- Luật Quốc tịch Việt Nam năm 2008 (được sửa đổi bổ sung năm 2025);</p> <p>- Nghị định số 191/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Quốc tịch Việt Nam;</p> <p>- Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP ngày 15/11/2025 của Chính phủ quy định cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính dựa trên dữ liệu;</p> <p>- Thông tư số 12/2025/TT-BTP ngày 01/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành, hướng dẫn sử dụng, quản lý mẫu sổ quốc tịch và mẫu giấy tờ về quốc tịch.</p> <p>- Thông tư số 281/2016/TT-BTC</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
			Rịa. + Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã. - Trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia: http://dichvu.congquocgia.gov.vn			ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch; - Quyết định số 3713/QĐ-BTP ngày 26/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực quốc tịch thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.
4	Thôi quốc tịch Việt Nam ở trong nước	75 ngày (thời gian thực tế giải quyết hồ sơ tại các cơ quan có thẩm quyền)	- Trực tiếp: + Trung tâm Phục vụ hành chính công Thành phố: (i) Khu vực Thành phố Hồ Chí Minh: 43 Nguyễn Văn Bá, phường Thủ Đức; (ii) Khu vực	Sở Tư pháp, Bộ Tư pháp	2.500.000 đồng/trường hợp	- Luật Quốc tịch Việt Nam năm 2008 (được sửa đổi bổ sung năm 2025); - Nghị định số 191/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Quốc tịch Việt Nam; - <i>Nghị quyết số</i>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
			Bình Dương: Tòa nhà Trung tâm hành chính, đường Lê Lợi, phường Bình Dương; (iii) Khu vực Bà Rịa - Vũng Tàu: Trung tâm hành chính công, số 4 Nguyễn Tất Thành, phường Bà Rịa. + Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã. - Trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia: http://dichvu.congquocgia.gov.vn			66.7/2025/NQ-CP ngày 15/11/2025 của Chính phủ quy định cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính dựa trên dữ liệu; - Thông tư số 12/2025/TT-BTP ngày 01/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành, hướng dẫn sử dụng, quản lý mẫu sổ quốc tịch và mẫu giấy tờ về quốc tịch. - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch; - Quyết định số 3713/QĐ-BTP ngày 26/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực quốc tịch thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
						pháp.
5	Cấp Giấy xác nhận có tịch Việt Nam ở trong nước	<p>Thời gian thực tế giải quyết hồ sơ tại các cơ quan có thẩm quyền:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 18 ngày làm việc đối với trường hợp có giấy tờ chứng minh quốc tịch Việt Nam; - 53 ngày làm việc đối với trường hợp không có giấy tờ chứng minh quốc tịch Việt Nam (hồ sơ xác minh thông thường) hoặc 68 ngày làm việc (hồ sơ xác minh 	<p>- Trực tiếp: + Trung tâm Phục vụ hành chính công Thành phố:</p> <ul style="list-style-type: none"> (i) Khu vực Thành phố Hồ Chí Minh: 43 Nguyễn Văn Bá, phường Thủ Đức; (ii) Khu vực Bình Dương: Tòa nhà Trung tâm hành chính, đường Lê Lợi, phường Bình Dương; (iii) Khu vực Bà Rịa - Vũng Tàu: Trung tâm hành chính công, số 4 Nguyễn Tất Thành, phường Bà Rịa. <p>+ Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.</p>	Sở Tư pháp	<p>- 100.000 đồng/trường hợp</p> <p>- Miễn phí đối với: người di cư từ Lào được xin xác nhận có tịch quốc tịch Việt Nam theo quy định của quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên; kiều bào Việt Nam tại các nước láng giềng có chung đường biên giới đất liền với Việt Nam, có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, có xác nhận của Ủy ban</p>	<p>- Luật Quốc tịch Việt Nam năm 2008 (được sửa đổi bổ sung năm 2025);</p> <p>- Nghị định số 191/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Quốc tịch Việt Nam;</p> <p>- Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP ngày 15/11/2025 của Chính phủ quy định cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính dựa trên dữ liệu;</p> <p>- Thông tư số 12/2025/TT-BTP ngày 01/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành, hướng dẫn sử dụng, quản lý mẫu sổ quốc tịch và mẫu giấy tờ về quốc tịch;</p> <p>- Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		phức tạp).	- Trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia: http://dichvu.congquocgia.gov.vn		nhân dân cấp xã.	thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch; - Quyết định số 3713/QĐ-BTP ngày 26/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực quốc tịch thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 215/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 01 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính mới ban hành
lĩnh vực Y, Dược cổ truyền thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Y tế**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định có liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Y tế tại Tờ trình số 17/TTr-SYT ngày 06 tháng 01 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này danh mục **01** thủ tục hành chính mới ban hành lĩnh vực Y, Dược cổ truyền thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Y tế.

Danh mục thủ tục hành chính được đăng tải trên Cổng Thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân Thành phố tại <https://hochiminhcity.gov.vn> và Cổng Dịch vụ công quốc gia tại <https://dichvucong.gov.vn/p/home/dvc-trang-chu.html>.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Y tế, Giám đốc Trung tâm Chuyên đổi số Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã và các tổ

chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Mạnh Cường

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
MỚI BAN HÀNH LĨNH VỰC Y, DƯỢC CỔ TRUYỀN
THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ Y TẾ**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 215/QĐ-UBND ngày 12 tháng 01 năm 2026
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)*

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
1	Thủ tục công bố tiêu chuẩn chất lượng vị thuốc cổ truyền, dược liệu (Mã TTHC: 1.014037)	Trong vòng 07 ngày làm việc	- Trung tâm Phục vụ hành chính công Thành phố. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	Sở Y tế các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đối với các cơ sở kinh doanh và cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trên địa bàn quản lý	500.000 (VNĐ)	- Luật Dược ngày 06/4/2016. - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Dược ngày 21/11/2024. - Nghị định số 163/2026/NĐ-CP ngày 29/6/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Dược. - Thông tư số 41/2023/TT-BTC ngày 12/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong lĩnh vực dược, mỹ phẩm. - Thông tư số 32/2025/TT-BYT ngày 01/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định quản lý về chất lượng thuốc cổ truyền, vị thuốc cổ

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
						truyền, dược liệu. - Quyết định số 4028/QĐ-BYT ngày 31/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Y, Dược cổ truyền quy định tại Thông tư số 32/2025/TT-BYT ngày 01/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 322/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 01 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ
lĩnh vực Tư pháp thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tư pháp**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 188/TTr-STP ngày 08 tháng 01 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này 05 thủ tục hành chính nội bộ lĩnh vực Tư pháp thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tư pháp, gồm: 01 thủ tục mới ban hành; 03 thủ tục thay thế và 01 thủ tục bị bãi bỏ.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Bãi bỏ nội dung công bố thủ tục hành chính nội bộ:

- Ban hành kèm theo Quyết định số 1635/QĐ-UBND ngày 14 tháng 5 năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ giữa các cơ quan hành chính nhà nước lĩnh vực tư pháp thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tư pháp.

- Thứ tự 1 ban hành kèm theo Quyết định số 5918/QĐ-UBND ngày 21 tháng 12 năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tư pháp.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Tư pháp,

Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Mạnh Cường

**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ LĨNH VỰC TƯ PHÁP
THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ TƯ PHÁP**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 322/QĐ-UBND ngày 15 tháng 01 năm 2026
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)*

PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ

1. Danh mục thủ tục hành chính nội bộ mới ban hành thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tư pháp

Stt	Tên thủ tục hành chính
1	Tiếp nhận, thẩm định dự thảo quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố

2. Danh mục thủ tục hành chính nội bộ được thay thế thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tư pháp

Stt	Tên TTHC NB được thay thế	Tên TTHC NB thay thế	Tên VB quy định nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
1	Tiếp nhận, thẩm định dự thảo nghị quyết của Hội đồng nhân dân Thành phố	Tiếp nhận, thẩm định dự thảo nghị quyết của Hội đồng nhân dân Thành phố	Quyết định số 21/2025/QĐ-UBND ngày 17/10/2025 ban hành Quy định về quy trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn Thành phố	Tư pháp	Sở Tư pháp
2	Tiếp nhận, thẩm định dự thảo quyết định của Ủy ban nhân dân Thành phố	Tiếp nhận, thẩm định dự thảo quyết định của Ủy ban nhân dân Thành phố	Quyết định số 21/2025/QĐ-UBND ngày 17/10/2025 ban hành Quy định về quy trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn Thành phố	Tư pháp	Sở Tư pháp
3	Thủ tục xây dựng, ban hành Quyết định về danh	Thủ tục xây dựng, ban hành Quyết định về danh mục quyết	Quyết định số 21/2025/QĐ-UBND ngày 17/10/2025 ban hành Quy định	Tư pháp	Sở Tư pháp

Stt	Tên TTHC NB được thay thế	Tên TTHC NB thay thế	Tên VB quy định nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
	mục quyết định của Ủy ban nhân dân Thành phố quy định chi tiết và quy định các nội dung khác được giao tại luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quyết định của Chủ tịch nước	định của Ủy ban nhân dân Thành phố quy định chi tiết và quy định các nội dung khác được giao tại luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội, pháp lệnh, quyết định của Chủ tịch nước, Nghị định, Nghị quyết của Chính phủ, Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, Thông tư của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ theo quy định	về quy trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn Thành phố		

3. Danh mục thủ tục hành chính nội bộ bị bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tư pháp

Stt	Tên TTHC NB	Tên Văn bản quy định việc bãi bỏ TTHC NB
1	Tiếp nhận, thẩm định đề nghị xây dựng nghị quyết của Hội đồng nhân dân Thành phố	Quyết định số 21/2025/QĐ-UBND ngày 17/10/2025 ban hành Quy định về quy trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn Thành phố

PHẦN II. NỘI DUNG CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ TƯ PHÁP

1. Tiếp nhận, thẩm định dự thảo nghị quyết của Hội đồng nhân dân Thành phố

a) Trình tự thực hiện:

- Sở, ngành Thành phố hoặc các cơ quan, đơn vị, tổ chức được Ủy ban nhân dân Thành phố phân công theo lĩnh vực phụ trách (sau đây gọi tắt là cơ quan chủ trì soạn thảo) chuẩn bị hồ sơ dự thảo nghị quyết.

- Sở Tư pháp tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ dự thảo nghị quyết. Trường hợp hồ sơ không đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 13 Quyết định số 21/2025/QĐ-UBND thì chậm nhất là 03 ngày kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Sở Tư pháp đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

- Sở Tư pháp tiếp nhận hồ sơ, thực hiện thẩm định dự thảo nghị quyết và gửi Báo cáo thẩm định đến cơ quan chủ trì soạn thảo trong thời hạn 12 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ gửi thẩm định.

*** Lưu ý:**

- Trường hợp phải thẩm định gấp theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố, Sở Tư pháp thẩm định nội dung quy định tại các điểm a, điểm c, điểm d và điểm e khoản 6 Điều 45 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP) và Quyết định số 21/2025/QĐ-UBND.

- Trường hợp thành lập hội đồng thẩm định hoặc tổ chức cuộc họp thẩm định thì thành viên hội đồng thẩm định hoặc người tham gia cuộc họp thẩm định có trách nhiệm theo quy định tại khoản 4 Điều 45 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP) và Quyết định số 21/2025/QĐ-UBND.

b) Cách thức thực hiện:

Nộp hồ sơ trực tiếp qua đường Văn thư và trực tuyến qua Hệ thống Quản lý văn bản và điều hành của Ủy ban nhân dân Thành phố.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

Hồ sơ dự thảo nghị quyết gửi Sở Tư pháp thẩm định (1 bộ)

- Dự thảo Tờ trình;

- Dự thảo nghị quyết;

- Báo cáo tổng kết việc thi hành pháp luật hoặc đánh giá thực trạng quan hệ xã hội liên quan đến dự thảo văn bản đối với trường hợp ban hành văn bản quy định tại các điểm b, c và d khoản 1 Điều 21 của Luật năm 2025 (được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 3 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung năm 2025) kèm phụ lục rà soát các chủ trương, đường lối của Đảng, văn bản quy phạm pháp luật có liên quan;

- Bản so sánh, thuyết minh nội dung dự thảo;

- Bản đánh giá thủ tục hành chính, việc phân cấp, thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp, việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số (nếu có);

- Báo cáo đánh giá tác động của chính sách trong dự thảo trong trường hợp soạn thảo nghị quyết quy định tại điểm d khoản 1 Điều 21 của Luật năm 2025 (được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 3 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung năm 2025);

- Bản tổng hợp ý kiến, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý .

* Lưu ý: Cơ quan chủ trì soạn thảo gửi văn bản đề nghị thẩm định kèm hồ sơ thẩm định, trong đó, các báo cáo được ký và đóng dấu, dự thảo văn bản được đóng dấu giáp lai, các tài liệu khác được đóng dấu treo của cơ quan chủ trì soạn thảo. Hồ sơ được gửi bằng bản điện tử và 01 bản giấy.

d) Thời hạn giải quyết:

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hồ sơ gửi thẩm định.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính nội bộ:

Các Sở, ngành Thành phố, cơ quan quân sự cấp Thành phố, Công an Thành phố, cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính nội bộ:

- Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Sở Tư pháp

- Cơ quan phối hợp thực hiện thủ tục hành chính: Các Sở, ngành, Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố; Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu; các cơ quan, đơn vị,

cá nhân có liên quan đến việc thẩm định văn bản.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính nội bộ:

Báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Nghị quyết của Hội đồng nhân dân các cấp (quy định trực tiếp) (Mẫu số 17 Phụ lục III Nghị định số 187/2025/NĐ-CP);

- Nghị quyết của Hội đồng nhân dân các cấp (ban hành Quy định/Quy chế) và Quy định/Quy chế ban hành kèm theo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân các cấp (Mẫu số 18 Phụ lục III Nghị định số 187/2025/NĐ-CP);

- Văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi, bổ sung một số điều của một văn bản (văn bản quy phạm pháp luật của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) (Mẫu số 23 Phụ lục III Nghị định số 187/2025/NĐ-CP);

- Văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi, bổ sung một số điều của nhiều văn bản (văn bản quy phạm pháp luật của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) (Mẫu số 24 Phụ lục III Nghị định số 187/2025/NĐ-CP);

- Văn bản quy phạm pháp luật bãi bỏ văn bản/các văn bản (văn bản quy phạm pháp luật của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) (Mẫu số 25 Phụ lục III Nghị định số 187/2025/NĐ-CP);

- Phụ lục ban hành kèm theo văn bản quy phạm pháp luật (Mẫu số 26 Phụ lục III Nghị định số 187/2025/NĐ-CP);

- Tờ trình dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật (Mẫu số 02 Phụ lục IV Nghị định số 187/2025/NĐ-CP);

- Báo cáo tổng kết việc thi hành pháp luật (Mẫu số 08 Phụ lục IV Nghị định số 187/2025/NĐ-CP);

- Báo cáo đánh giá thực trạng quan hệ xã hội (Mẫu số 09 Phụ lục IV Nghị định

số 187/2025/NĐ-CP);

- Bản so sánh, thuyết minh dự thảo văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi, bổ sung, thay thế, ban hành mới với văn bản quy phạm pháp luật hiện hành (Mẫu số 12 Phụ lục IV Nghị định số 187/2025/NĐ-CP);

- Bản đánh giá thủ tục hành chính, việc phân quyền, phân cấp, việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, bảo đảm bình đẳng giới, việc thực hiện chính sách dân tộc trong dự án, dự thảo (Mẫu số 06 Phụ lục IV Nghị định số 187/2025/NĐ-CP);

- Báo cáo đánh giá tác động của chính sách (Mẫu số 03 Phụ lục IV Nghị định số 187/2025/NĐ-CP);

- Bản tổng hợp ý kiến, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý, tham vấn chính sách/Bản tổng hợp ý kiến, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý, phản biện xã hội đối với dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật (Mẫu số 10 Phụ lục IV Nghị định số 187/2025/NĐ-CP).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính nội bộ:

Cơ quan chủ trì soạn thảo phải thực hiện đầy đủ các bước và chuẩn bị hồ sơ theo đúng quy định; Sở Tư pháp và Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố thực hiện theo đúng quy định về thẩm định dự thảo văn bản.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính nội bộ:

- Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15;

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 87/2025/QH15;

- Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

- Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn, thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 79/2025/NĐ-CP của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;

- Quyết định số 21/2025/QĐ-UBND ngày 17 tháng 10 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quy định về quy trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Tiếp nhận, thẩm định dự thảo quyết định của Ủy ban nhân dân Thành phố

a) Trình tự thực hiện

- Các Sở, ngành Thành phố, cơ quan quân sự cấp Thành phố, Công an Thành phố, cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố được Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố phân công theo lĩnh vực (sau đây gọi tắt là cơ quan chủ trì soạn thảo) chuẩn bị hồ sơ dự thảo quyết định và gửi đến Sở Tư pháp thẩm định.

- Sở Tư pháp tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ dự thảo quyết định. Trường hợp hồ sơ không đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 18 Quyết định số 21/2025/QĐ-UBND thì chậm nhất là 03 ngày kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Sở Tư pháp đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

- Sở Tư pháp tiếp nhận hồ sơ, thực hiện thẩm định dự thảo quyết định và gửi Báo cáo thẩm định đến cơ quan chủ trì soạn thảo trong thời hạn 12 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ gửi thẩm định.

* Lưu ý:

- Trường hợp phải thẩm định gấp theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố, Sở Tư pháp thẩm định nội dung quy định tại các điểm a, c, d và e khoản 6 Điều 45 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP) và Quyết định số 21/2025/QĐ-UBND.

- Trường hợp thành lập hội đồng thẩm định hoặc tổ chức cuộc họp thẩm định thì thành viên hội đồng thẩm định hoặc người tham gia cuộc họp thẩm định có trách nhiệm theo quy định tại khoản 4 Điều 45 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP) và Quyết định số 21/2025/QĐ-UBND.

b) Cách thức thực hiện:

Nộp hồ sơ trực tiếp qua đường Văn thư và trực tuyến qua Hệ thống Quản lý văn bản và điều hành của Ủy ban nhân dân Thành phố.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

Hồ sơ dự thảo quyết định gửi Sở Tư pháp thẩm định (1 bộ)

- Dự thảo Tờ trình;

- Dự thảo quyết định;

- Báo cáo tổng kết việc thi hành pháp luật hoặc đánh giá thực trạng quan hệ xã hội liên quan đến dự thảo văn bản đối với trường hợp ban hành văn bản quy định tại các điểm b, c và d khoản 1 Điều 21 của Luật năm 2025 (được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 3 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung năm 2025) kèm phụ lục rà soát các chủ trương, đường lối của Đảng, văn bản quy phạm pháp luật có liên quan;

- Bản so sánh, thuyết minh nội dung dự thảo;

- Bản đánh giá thủ tục hành chính, việc phân cấp, thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp, việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số (nếu có);

- Bản tổng hợp ý kiến tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý.

* Lưu ý: Cơ quan chủ trì soạn thảo gửi văn bản đề nghị thẩm định kèm hồ sơ thẩm định, trong đó các báo cáo được ký và đóng dấu, dự thảo văn bản được đóng dấu giáp lai, các tài liệu khác được đóng dấu treo của cơ quan chủ trì soạn thảo. Hồ sơ được gửi bằng bản điện tử và 01 bản giấy.

d) Thời hạn giải quyết:

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hồ sơ gửi thẩm định.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính nội bộ:

Các Sở, ngành Thành phố, cơ quan quân sự cấp Thành phố, Công an Thành phố, cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính nội bộ:

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Tư pháp

- Cơ quan phối hợp thực hiện thủ tục hành chính: Các Sở, ngành, Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố; Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu; các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan đến việc thẩm định văn bản.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính nội bộ:

Báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Quyết định của Ủy ban nhân dân các cấp (quy định trực tiếp) (Mẫu số 19 Phụ lục III Nghị định số 187/2025/NĐ-CP);

- Quyết định của Ủy ban nhân dân các cấp (ban hành Quy định/Quy chế) và Quy định/Quy chế ban hành kèm theo Quyết định của Ủy ban nhân dân các cấp (Mẫu số 20 Phụ lục III Nghị định số 187/2025/NĐ-CP);

- Văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi, bổ sung một số điều của một văn bản (văn bản quy phạm pháp luật của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) (Mẫu số 23 Phụ lục III Nghị định số 187/2025/NĐ-CP);

- Văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi, bổ sung một số điều của nhiều văn bản (văn bản quy phạm pháp luật của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) (Mẫu số 24 Phụ lục III Nghị định số 187/2025/NĐ-CP);

- Văn bản quy phạm pháp luật bãi bỏ văn bản/các văn bản (văn bản quy phạm pháp luật của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) (Mẫu số 25 Phụ lục III Nghị định số 187/2025/NĐ-CP);

- Phụ lục ban hành kèm theo văn bản quy phạm pháp luật (Mẫu số 26 Phụ lục III Nghị định số 187/2025/NĐ-CP);

- Tờ trình dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật (Mẫu số 02 Phụ lục IV Nghị định số 187/2025/NĐ-CP);

- Báo cáo tổng kết việc thi hành pháp luật (Mẫu số 08 Phụ lục IV Nghị định số 187/2025/NĐ-CP);

- Báo cáo đánh giá thực trạng quan hệ xã hội (Mẫu số 09 Phụ lục IV Nghị định số 187/2025/NĐ-CP);

- Bản so sánh, thuyết minh dự thảo văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi, bổ sung, thay thế, ban hành mới với văn bản quy phạm pháp luật hiện hành (Mẫu số 12

Phụ lục IV Nghị định số 187/2025/NĐ-CP);

- Bản đánh giá thủ tục hành chính, việc phân quyền, phân cấp, việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, bảo đảm bình đẳng giới, việc thực hiện chính sách dân tộc trong dự án, dự thảo (Mẫu số 06 Phụ lục IV Nghị định số 187/2025/NĐ-CP);

- Bản tổng hợp ý kiến, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý, tham vấn chính sách/Bản tổng hợp ý kiến, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý, phản biện xã hội đối với dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật (Mẫu số 10 Phụ lục IV Nghị định số 187/2025/NĐ-CP).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính nội bộ:

Cơ quan chủ trì soạn thảo phải thực hiện đầy đủ các bước và chuẩn bị hồ sơ theo đúng quy định; Sở Tư pháp và Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố thực hiện theo đúng quy định về thẩm định dự thảo văn bản.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính nội bộ:

- Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15;

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 87/2025/QH15;

- Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

- Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn, thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 79/2025/NĐ-CP của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;

- Quyết định số 21/2025/QĐ-UBND ngày 17 tháng 10 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quy định về quy trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Tiếp nhận, thẩm định dự thảo quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố

a) Trình tự thực hiện

- Các Sở, ngành Thành phố, cơ quan quân sự cấp Thành phố, Công an Thành phố, cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố được Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố phân công theo lĩnh vực (sau đây gọi tắt là cơ quan chủ trì soạn thảo) chuẩn bị hồ sơ dự thảo quyết định và gửi đến Sở Tư pháp thẩm định.

- Sở Tư pháp tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ dự thảo quyết định. Trường hợp hồ sơ không đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 22 Quyết định số 21/2025/QĐ-UBND thì chậm nhất là 03 ngày kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Sở Tư pháp đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

- Sở Tư pháp tiếp nhận hồ sơ, thực hiện thẩm định dự thảo quyết định và gửi Báo cáo thẩm định đến cơ quan chủ trì soạn thảo trong thời hạn 12 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ gửi thẩm định.

* Lưu ý:

- Trường hợp phải thẩm định gấp theo yêu cầu của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố, Sở Tư pháp thẩm định nội dung quy định tại các điểm a, c, d và e khoản 6 Điều 51b của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP (được bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP).

- Trường hợp thành lập hội đồng thẩm định hoặc tổ chức cuộc họp thẩm định thì thành viên hội đồng thẩm định hoặc người tham gia cuộc họp thẩm định có trách nhiệm theo quy định tại khoản 4 Điều 51b của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP (được bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP).

b) Cách thức thực hiện:

Nộp hồ sơ trực tiếp qua đường Văn thư và trực tuyến qua Hệ thống Quản lý văn bản và điều hành của Ủy ban nhân dân Thành phố.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

Hồ sơ dự thảo quyết định gửi Sở Tư pháp thẩm định (1 bộ)

- Dự thảo Tờ trình;

- Dự thảo quyết định;

- Bản đánh giá thủ tục hành chính, việc phân cấp, thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn

được phân cấp, việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số (nếu có);

- Bản tổng hợp ý kiến tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý.

* Lưu ý: Cơ quan chủ trì soạn thảo gửi văn bản đề nghị thẩm định kèm hồ sơ thẩm định, trong đó các báo cáo được ký và đóng dấu, dự thảo văn bản được đóng dấu giáp lai, các tài liệu khác được đóng dấu treo của cơ quan chủ trì soạn thảo. Hồ sơ được gửi bằng bản điện tử và 01 bản giấy.

d) Thời hạn giải quyết:

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hồ sơ gửi thẩm định.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính nội bộ:

Các Sở, ngành Thành phố, cơ quan quân sự cấp Thành phố, Công an Thành phố, cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính nội bộ:

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Tư pháp

- Cơ quan phối hợp thực hiện thủ tục hành chính: Các Sở, ngành, Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố; Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu; các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan đến việc thẩm định văn bản.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính nội bộ:

Báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (quy định trực tiếp) (Mẫu số 21 Phụ lục III Nghị định số 187/2025/NĐ-CP);

- Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (ban hành Quy định/Quy chế) và Quy định/Quy chế ban hành kèm theo Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (Mẫu số 22 Phụ lục III Nghị định số 187/2025/NĐ-CP);

- Văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi, bổ sung một số điều của một văn bản (văn bản quy phạm pháp luật của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp, Chủ tịch Ủy

ban nhân dân cấp tỉnh) (Mẫu số 23 Phụ lục III Nghị định số 187/2025/NĐ-CP);

- Văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi, bổ sung một số điều của nhiều văn bản (văn bản quy phạm pháp luật của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) (Mẫu số 24 Phụ lục III Nghị định số 187/2025/NĐ-CP);

- Văn bản quy phạm pháp luật bãi bỏ văn bản/các văn bản (văn bản quy phạm pháp luật của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) (Mẫu số 25 Phụ lục III Nghị định số 187/2025/NĐ-CP);

- Phụ lục ban hành kèm theo văn bản quy phạm pháp luật (Mẫu số 26 Phụ lục III Nghị định số 187/2025/NĐ-CP);

- Tờ trình dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật (Mẫu số 02 Phụ lục IV Nghị định số 187/2025/NĐ-CP);

- Bản đánh giá thủ tục hành chính, việc phân quyền, phân cấp, việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, bảo đảm bình đẳng giới, việc thực hiện chính sách dân tộc trong dự án, dự thảo (Mẫu số 06 Phụ lục IV Nghị định số 187/2025/NĐ-CP).

- Bản tổng hợp ý kiến, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý, tham vấn chính sách/Bản tổng hợp ý kiến, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý, phản biện xã hội đối với dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật (Mẫu số 10 Phụ lục IV Nghị định số 187/2025/NĐ-CP)

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính nội bộ:

Cơ quan chủ trì soạn thảo phải thực hiện đầy đủ các bước và chuẩn bị hồ sơ theo đúng quy định; Sở Tư pháp và Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố thực hiện theo đúng quy định về thẩm định dự thảo văn bản.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính nội bộ:

- Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15;
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 87/2025/QH15;
- Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy

định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

- Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn, thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 79/2025/NĐ-CP của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;

- Quyết định số 21/2025/QĐ-UBND ngày 17 tháng 10 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quy định về quy trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Thủ tục xây dựng, ban hành Quyết định về danh mục quyết định của Ủy ban nhân dân Thành phố quy định chi tiết và quy định các nội dung khác được giao tại luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội, lệnh, quyết định của Chủ tịch nước, Nghị định, Nghị quyết của Chính phủ, Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, Thông tư của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ theo quy định

a) Trình tự thực hiện:

- Trên cơ sở Công văn của Bộ Tư pháp, quy định của Nghị định, Nghị quyết của Chính phủ, Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, Thông tư của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ Sở Tư pháp xây dựng và ban hành Công văn yêu cầu các cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố rà soát, lập danh mục văn bản giao quy định chi tiết. Các Sở, ngành Thành phố, cơ quan quân sự cấp Thành phố, Công an Thành phố, cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố gửi danh mục văn bản giao quy định chi tiết đến Sở Tư pháp để tổng hợp.

- Sở Tư pháp rà soát, xây dựng dự thảo Quyết định về danh mục quyết định của Ủy ban nhân dân Thành phố quy định chi tiết luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội, lệnh, quyết định của Chủ tịch nước Nghị định, Nghị quyết của Chính phủ, Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, Thông tư của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ (sau đây gọi là Quyết định về danh mục văn bản quy định chi tiết).

- Sở Tư pháp phối hợp với Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố trình Chủ

tịch Ủy ban nhân dân Thành phố ký ban hành Quyết định.

b) Cách thức thực hiện:

Nộp hồ sơ trực tiếp qua đường Văn thư và trực tuyến qua Hệ thống Quản lý văn bản và điều hành của Ủy ban nhân dân Thành phố.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

Hồ sơ Sở Tư pháp trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố (1 bộ)

- Tờ trình của Sở Tư pháp;
- Dự thảo Quyết định về danh mục văn bản quy định chi tiết;
- Tài liệu khác (nếu có).

d) Thời hạn giải quyết: Không

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính nội bộ:

Sở Tư pháp, các Sở, ngành Thành phố, cơ quan quân sự cấp Thành phố, Công an Thành phố, cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính nội bộ:

- Người có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố
- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính nội bộ: Sở Tư pháp
- Cơ quan phối hợp thực hiện thủ tục hành chính: Các Sở, ngành Thành phố, cơ quan quân sự cấp Thành phố, Công an Thành phố, cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố, Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố; các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính nội bộ:

Quyết định về danh mục quyết định của Ủy ban nhân dân Thành phố quy định chi tiết luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội, lệnh, quyết định của Chủ tịch nước, Nghị định, Nghị quyết của Chính phủ, Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, Thông tư của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính nội bộ:

Bộ Tư pháp gửi văn bản thông báo cho Ủy ban nhân dân Thành phố về danh mục các nội dung các nội dung luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội, lệnh, quyết định của Chủ tịch nước giao cho địa phương quy định chi tiết; các cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố gửi danh mục văn bản giao quy định chi tiết đến Sở Tư pháp để tổng hợp; Sở Tư pháp và Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố thực hiện theo đúng quy định về lập danh mục và trình Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành quyết định.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính nội bộ:

- Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15;
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 87/2025/QH15;
- Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;
- Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn, thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 79/2025/NĐ-CP của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;
- Quyết định số 21/2025/QĐ-UBND ngày 17 tháng 10 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quy định về quy trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 325/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 01 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính
được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Trồng trọt và Bảo vệ thực vật
thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở An toàn thực phẩm

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định có liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Công Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở An toàn thực phẩm tại Tờ trình số 52/TTr-SATTP ngày 08 tháng 01 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này danh mục **01** thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Trồng trọt và Bảo vệ thực vật thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở An toàn thực phẩm.

Danh mục thủ tục hành chính được đăng tải trên Cổng Thông tin điện tử của Ủy

ban nhân dân Thành phố tại <https://hochiminhcity.gov.vn> và Công Dịch vụ công quốc gia tại <https://dichvucong.gov.vn/p/home/dvc-trang-chu.html>.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Bãi bỏ nội dung công bố thủ tục có thứ tự 16 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Quyết định số 3230/QĐ-UBND ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về việc công bố danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực Trồng trọt và Bảo vệ thực vật thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường, Giám đốc Sở An toàn thực phẩm, Giám đốc Trung tâm Chuyển đổi số Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Mạnh Cường

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG LĨNH
VỰC TRỒNG TRỌT VÀ BẢO VỆ THỰC VẬT THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI
QUYẾT CỦA SỞ AN TOÀN THỰC PHẨM**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 325/QĐ-UBND ngày 15 tháng 01 năm 2026
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)*

T T	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
1	Kiểm tra nhà nước về an toàn thực phẩm đối với thực phẩm có nguồn gốc thực vật xuất khẩu (mã thủ tục 1.003395)	02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	- Trung tâm phục vụ hành chính công Thành phố Hồ Chí Minh. - Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã.	Sở An toàn thực phẩm	Không	- Điều 42 Luật An toàn thực phẩm năm 2010; - Điều 23 Nghị định số 15/2018/NĐ-CP của Chính phủ ngày 02/02/2018 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm; - Thông tư số 44/2018/TT-BNNPTNT ngày 28/12/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định Kiểm tra nhà nước về an toàn thực phẩm đối với thực phẩm có nguồn gốc thực vật xuất khẩu; - Điều 24 Thông tư số 12/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định

T T	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
						<p>phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật;</p> <p>- Điều 2 Thông tư số 77/2025/TT-BNNMT ngày 29/12/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 15/2023/TT-BNNPTNT ngày 15 tháng 12 năm 2023 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn bãi bỏ các thông tư do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành và Thông tư số 12/2025/TT-BNNMT ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật;</p> <p>- Quyết định số 5891/QĐ-BNNMT ngày 31/12/2025</p>

T T	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
						của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật thuộc phạm vi chức năng của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 327/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 01 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính
được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Hòa giải ở cơ sở
thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tư pháp

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định có liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 158/TTr-STP ngày 08 tháng 01 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này danh mục 01 thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Hòa giải ở cơ sở thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tư pháp.

Danh mục thủ tục hành chính được đăng tải trên Cổng Thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân Thành phố tại <https://hochiminhcity.gov.vn> và Cổng Dịch vụ công quốc gia tại <https://dichvucong.gov.vn/p/home/dvc-trang-chu.html>.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Bãi bỏ nội dung công bố thủ tục tại danh mục ban hành kèm theo Quyết định số 3298/QĐ-UBND ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về việc công bố danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực Hòa giải ở cơ sở thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tư pháp.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Tư pháp, Giám đốc Trung tâm Chuyên đổi số Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Mạnh Cường

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG LĨNH
VỰC HÒA GIẢI Ở CƠ SỞ THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ
CỦA SỞ TƯ PHÁP**

*(Kèm theo Quyết định số 327/QĐ-UBND ngày 15 tháng 01 năm 2026
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)*

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
1	Thực hiện hỗ trợ khi hòa giải viên gặp tai nạn hoặc rủi ro ảnh hưởng đến sức khỏe, tính mạng trong khi thực hiện hoạt động hòa giải ở cơ sở	Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	- Trung tâm Phục vụ hành chính công Thành phố. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	Ủy ban nhân dân cấp xã	Không	- Luật Hòa giải ở cơ sở năm 2013; - Nghị định số 15/2014/NĐ-CP ngày 27/02/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hòa giải ở cơ sở; - Nghị định số 120/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp. - Thông tư số 09/2025/TT-BTP ngày 16/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Tư pháp thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
						<p>ban nhân dân thuộc Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu trong lĩnh vực tư pháp;</p> <p>- Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP ngày 15/11/2025 của Chính phủ quy định cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính dựa trên dữ liệu.</p> <p>- Quyết định số 3753/QĐ-BTP ngày 30/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực hòa giải ở cơ sở thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.</p>

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 328/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 01 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực Di sản văn hóa
thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Văn hóa và Thể thao**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định có liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Công Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Văn hóa và Thể thao tại Tờ trình số 114/TTr-SVHTT ngày 07 tháng 01 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này danh mục **31** thủ tục hành chính lĩnh vực Di sản văn hóa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Văn hóa và Thể thao, gồm: 09 thủ tục mới ban hành; 09 thủ tục thay thế; 01 thủ tục được sửa đổi, bổ sung và 12 thủ tục bị bãi bỏ (trong đó có 09 thủ tục bị bãi bỏ do được thay thế).

Danh mục thủ tục hành chính được đăng tải trên Cổng Thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân Thành phố tại <https://hochiminhcity.gov.vn> và Cổng Dịch vụ công quốc gia tại <https://dichvucong.gov.vn/p/home/dvc-trang-chu.html>.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2026.

Bãi bỏ nội dung công bố thủ tục:

- Thứ tự 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14 tại Phụ lục VI ban hành kèm theo Quyết định số 3328/QĐ-UBND ngày 28 tháng 6 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Văn hóa và Thể thao.

- Thứ tự B.1 tại Danh mục thủ tục hành chính ban hành kèm theo Quyết định số 1738/QĐ-UBND ngày 22 tháng 9 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành; được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Di sản văn hóa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Văn hóa và Thể thao.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Văn hóa và Thể thao, Giám đốc Trung tâm Chuyển đổi số Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Mạnh Cường

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC DI SẢN VĂN HÓA
THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ
CỦA SỞ VĂN HÓA VÀ THỂ THAO**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 328/QĐ-UBND ngày 15 tháng 01 năm 2026
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)*

A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH

T T	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
1	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận chuyên gia giám định di vật, cổ vật	Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	- Trực tiếp tại: + Trung tâm Phục vụ hành chính công Thành phố. + Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	Sở Văn hóa và Thể thao	Không quy định	- Luật Di sản văn hóa số 45/2024/QH15 ngày 23 tháng 11 năm 2024. - Nghị định số 308/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Di sản văn hóa. - Quyết định số 4884/QĐ-BVHTTDL ngày 26 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, được thay thế, sửa đổi, bổ sung và bị bãi bỏ trong lĩnh vực Di sản văn hóa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.
2	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận chuyên gia giám định di vật, cổ vật	Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	- Thông qua dịch vụ bưu chính công ích theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật. - Trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia: https://dichvucong.gov.vn/ hoặc Cổng dịch vụ công của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch: https://dvc.bvhttdl.gov.vn/tiepnhan		Không quy định	

T T	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
3	Thủ tục bồi hoàn chi phí thực hiện việc đưa di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia có nguồn gốc Việt Nam từ nước ngoài về nước (cấp tỉnh)	Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	<ul style="list-style-type: none"> - Trực tiếp tại: + Trung tâm Phục vụ hành chính công Thành phố + Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã. - Thông qua dịch vụ bưu chính công ích theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân 	Ủy ban nhân dân Thành phố	Không quy định	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Di sản văn hóa số 45/2024/QH15 ngày 23 tháng 11 năm 2024. - Nghị định số 308/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Di sản văn hóa. - Quyết định số 4884/QĐ-BVHTTDL ngày 26 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, được thay thế, sửa đổi, bổ sung và bị bãi bỏ trong lĩnh vực Di sản văn hóa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.
4	Thủ tục cấp giấy phép làm bản sao di vật, cổ vật	Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	<ul style="list-style-type: none"> hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật. - Trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia: https://dichvucong.gov.vn/ hoặc Cổng dịch vụ công của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch: https://dvc.bvhttdl.gov.vn/tiepnhan 	Sở Văn hóa và Thể thao	Không quy định	
5	Thủ tục cấp giấy phép làm bản sao di sản tư liệu được ghi vào Danh mục quốc gia về di sản tư liệu (cấp tỉnh)	Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	<ul style="list-style-type: none"> - Trực tiếp tại: + Trung tâm Phục vụ hành chính công Thành phố + Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã. - Thông qua dịch vụ bưu chính công ích theo quy 	Sở Văn hóa và Thể thao	Không quy định	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Di sản văn hóa số 45/2024/QH15 ngày 23 tháng 11 năm 2024. - Nghị định số 308/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Di sản văn

T T	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
6	Thủ tục cấp lại giấy phép hoạt động bảo tàng ngoài công lập	Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	<p>định của Thủ tướng Chính phủ, qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật.</p> <p>- Trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia: https://dichvucong.gov.vn/ hoặc Cổng dịch vụ công của Bộ Văn hóa, Thể thao và du lịch: https://dvc.bvhttdl.gov.vn/tiepnan</p>		Không quy định	<p>hóa.</p> <p>- Quyết định số 4884/QĐ-BVHTTDL ngày 26 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, được thay thế, sửa đổi, bổ sung và bị bãi bỏ trong lĩnh vực Di sản văn hóa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.</p>
7	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư kinh doanh di vật, cổ vật	Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	<p>- Trực tiếp tại: + Trung tâm Phục vụ hành chính công Thành phố + Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.</p> <p>- Thông qua dịch vụ bưu chính công ích theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật.</p> <p>- Trực tuyến tại Cổng Dịch vụ</p>	Sở Văn hóa và Thể thao	Không quy định	<p>- Luật Di sản văn hóa số 45/2024/QH15 ngày 23 tháng 11 năm 2024.</p> <p>- Nghị định số 308/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Di sản văn hóa.</p> <p>- Quyết định số 4884/QĐ-BVHTTDL ngày 26 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, được thay thế, sửa đổi, bổ sung và</p>

T T	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
			công quốc gia: https://dichvucong.gov.vn/ hoặc Công dịch vụ công của Bộ Văn hóa, Thể thao và du lịch: https://dvc.bvhttdl.gov.vn/tiepnhan			bị bãi bỏ trong lĩnh vực Di sản văn hóa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.
8	Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư kinh doanh di vật, cổ vật	Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ.	- Trực tuyến tại Công Dịch vụ công quốc gia: https://dichvucong.gov.vn/ hoặc Công dịch vụ công của Bộ Văn hóa, Thể thao và du lịch: https://dvc.bvhttdl.gov.vn/tiepnhan	Sở Văn hóa và Thể thao	Không quy định	- Luật Di sản văn hóa số 45/2024/QH15 ngày 23 tháng 11 năm 2024. - Nghị định số 308/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Di sản văn hóa. - Quyết định số 4884/QĐ-BVHTTDL ngày 26 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, được thay thế, sửa đổi, bổ sung và bị bãi bỏ trong lĩnh vực Di sản văn hóa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.
9	Thủ tục cấp lại chứng chỉ hành nghề kinh	Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận	- Trực tuyến tại Công Dịch vụ công quốc gia: https://dichvucong.gov.vn/ hoặc	Sở Văn hóa và Thể thao	Không quy định	- Luật Di sản văn hóa số 45/2024/QH15 ngày 23 tháng 11 năm 2024. - Nghị định số 308/2025/NĐ-CP ngày

T T	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
	doanh nghiệp, cổ vật	được hồ sơ hợp lệ.	Công dịch vụ công của Bộ Văn hóa, Thể thao và du lịch: https://dvc.bvhttdl.gov.vn/tiepnhan			28 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Di sản văn hóa. - Quyết định số 4884/QĐ-BVHTTDL ngày 26 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, được thay thế, sửa đổi, bổ sung và bị bãi bỏ trong lĩnh vực Di sản văn hóa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

B. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THAY THẾ

T T	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
1	Thủ tục cấp phép khai quật khảo cổ khẩn cấp	Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	- Trực tiếp tại: + Trung tâm Phục vụ hành chính công Thành phố + Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	Sở Văn hóa và Thể thao	Không quy định	- Luật Di sản văn hóa số 45/2024/QH15 ngày 23 tháng 11 năm 2024. - Nghị định số 308/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Di sản văn
2	Thủ tục đăng ký di vật, cổ	Trong thời hạn 15 ngày	- Thông qua dịch vụ bưu		Không quy định	

T T	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
	vật	kể từ ngày nhận được hồ sơ khoa học hợp lệ.	chính công ích theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật. - Trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia: https://dichvucong.gov.vn/ hoặc Cổng dịch vụ công của Bộ Văn hóa, Thể thao và du lịch: https://dvc.bvhtdl.gov.vn/tiepnan			hóa. - Quyết định số 4884/QĐ-BVHTTDL ngày 26 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, được thay thế, sửa đổi, bổ sung và bị bãi bỏ trong lĩnh vực Di sản văn hóa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.
3	Thủ tục cấp Chứng chỉ hành nghề kinh doanh di vật, cổ vật	Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	- Trực tiếp tại: + Trung tâm Phục vụ hành chính công Thành phố + Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	Sở Văn hóa và Thể thao	Không quy định	- Luật Di sản văn hóa số 45/2024/QH15 ngày 23 tháng 11 năm 2024. - Nghị định số 308/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Di sản văn hóa.
4	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều	Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ	- Thông qua dịch vụ bưu chính công ích theo quy định của Thủ tướng		Không quy định	- Quyết định số 4884/QĐ-BVHTTDL

T T	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
	kiện kinh doanh giám định di vật, cổ vật	ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	Chính phủ, qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật. - Trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia: <a href="https://dichvuc
ong.gov.vn/">https://dichvuc ong.gov.vn/ hoặc Cổng dịch vụ công của Bộ Văn hóa, Thể thao và du lịch: <a href="https://dvc.bvht
tdl.gov.vn/tiep
nhan">https://dvc.bvht tdl.gov.vn/tiep nhan			ngày 26 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, được thay thế, sửa đổi, bổ sung và bị bãi bỏ trong lĩnh vực Di sản văn hóa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.
5	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh giám định di vật, cổ vật	Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đơn đề nghị.	- Trực tiếp tại: + Trung tâm Phục vụ hành chính công Thành phố + Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã. - Thông qua dịch vụ bưu chính công ích	Sở Văn hóa và Thể thao	Không quy định	- Luật Di sản văn hóa số 45/2024/QH15 ngày 23 tháng 11 năm 2024. - Nghị định số 308/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Di sản văn hóa.
6	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện	Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ	theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, qua thuê dịch vụ của doanh		Không quy định	- Quyết định số 4884/QĐ-BVHTTDL ngày 26 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao

T T	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
	hành nghề bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích	ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	nghiệp, cá nhân hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật. - Trực tuyến tại Công Dịch vụ công quốc gia: <a href="https://dichvuc
ong.gov.vn/">https://dichvuc ong.gov.vn/ hoặc Công dịch vụ công của Bộ Văn hóa, Thể thao và du lịch: <a href="https://dvc.bvht
tdl.gov.vn/tiep
nhan">https://dvc.bvht tdl.gov.vn/tiep nhan			và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, được thay thế, sửa đổi, bổ sung và bị bãi bỏ trong lĩnh vực Di sản văn hóa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.
7	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích	- Trường hợp cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích bị hỏng, thay đổi thông tin, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ	- Trực tuyến tại Công Dịch vụ công quốc gia: <a href="https://dichvuc
ong.gov.vn/">https://dichvuc ong.gov.vn/ hoặc Công dịch vụ công của Bộ Văn hóa, Thể thao và du lịch: <a href="https://dvc.bvht
tdl.gov.vn/tiep
nhan">https://dvc.bvht tdl.gov.vn/tiep nhan	Sở Văn hóa và Thể thao	Không quy định	- Luật Di sản văn hóa số 45/2024/QH15 ngày 23 tháng 11 năm 2024. - Nghị định số 308/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Di sản văn hóa. - Quyết định số 4884/QĐ-BVHTTDL ngày 26 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành,

T T	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		sơ hợp lệ. - Trường hợp cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích bị mất hoặc điều chỉnh, bổ sung nội dung hành nghề, trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.				được thay thế, sửa đổi, bổ sung và bị bãi bỏ trong lĩnh vực Di sản văn hóa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.
8	Thủ tục cấp Chứng chỉ hành nghề bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích	Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	- Trực tiếp tại: + Trung tâm Phục vụ hành chính công Thành phố + Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	Sở Văn hóa và Thể thao	Không quy định	- Luật Di sản văn hóa số 45/2024/QH15 ngày 23 tháng 11 năm 2024. - Nghị định số 308/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Di sản văn hóa.
9	Thủ tục cấp lại Chứng	Trong thời hạn 05 ngày	- Thông qua dịch vụ bưu chính công ích	Sở Văn hóa và Thể	Không quy định	

T T	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
	chỉ hành nghề bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích	làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật. - Trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia: https://dichvucong.gov.vn/ hoặc các Cổng dịch vụ công của Bộ Văn hóa, Thể thao và du lịch: https://dvc.bvhtdl.gov.vn/tiepnan	thao		- Quyết định số 4884/QĐ-BVHTTDL ngày 26 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, được thay thế, sửa đổi, bổ sung và bị bãi bỏ trong lĩnh vực Di sản văn hóa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

C. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

T T	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
1	Thủ tục cấp giấy phép hoạt động bảo tàng ngoài công lập	Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	- Trực tiếp tại: + Trung tâm Phục vụ hành chính công Thành phố + Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã. - Thông qua dịch	Sở Văn hóa và Thể thao	Không quy định	- Luật Di sản văn hóa số 45/2024/QH15 ngày 23 tháng 11 năm 2024. - Nghị định số 308/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một

T T	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
			<p>vụ bưu chính công ích theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật.</p> <p>- Trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia: https://dichvucong.gov.vn/ hoặc Công dịch vụ công của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch: https://dvc.bvhttdl.gov.vn/tiepnhan</p>			<p>số điều và biện pháp tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Di sản văn hóa.</p> <p>- Quyết định số 4884/QĐ-BVHTTDL ngày 26 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, được thay thế, sửa đổi, bổ sung và bị bãi bỏ trong lĩnh vực Di sản văn hóa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.</p>

D. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ

T T	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố danh mục TTHC	Tên Văn bản quy định việc bãi bỏ TTHC
1	2.001613	Thủ tục xác nhận đủ điều kiện được cấp giấy phép hoạt động đối với bảo tàng ngoài công lập	Quyết định số 3328/QĐ-UBND ngày 28 tháng 6 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về việc công bố danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Văn hóa và Thể thao (<i>Thứ tự 2, 13, 14 Phụ lục VI</i>).	Quyết định số 4884/QĐ-BVHTTDL ngày 26 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, được thay thế, sửa đổi, bổ sung và bị bãi bỏ trong lĩnh vực Di sản văn hóa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.
2	1.003646	Thủ tục công nhận bảo vật quốc gia đối với bảo tàng cấp tỉnh, ban hoặc trung tâm quản lý di tích		
3	1.003835	Thủ tục công nhận bảo vật quốc gia đối với bảo tàng ngoài công lập, tổ chức, cá nhân là chủ sở hữu hoặc đang quản lý hợp pháp hiện vật		

E. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ DO ĐƯỢC THAY THẾ

T T	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính bị bãi bỏ do được thay thế	Quyết định công bố danh mục TTHC	Tên Văn bản quy định việc bãi bỏ TTHC
1	2.00159 1	Thủ tục cấp giấy phép khai quật khẩn cấp	Quyết định số 3328/QĐ-UBND ngày 28 tháng 6 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về việc công bố danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Văn hóa và Thể thao (<i>Thứ tự 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12 Phụ lục VI</i>).	Quyết định số 4884/QĐ-BVHTTDL ngày 26 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, được thay thế, sửa đổi, bổ sung và bị bãi bỏ trong lĩnh vực Di sản văn hóa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.
2	2.00163 1	Thủ tục đăng ký di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia		
3	1.00373 8	Thủ tục cấp chứng chỉ hành nghề mua bán di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia		
4	1.00110 6	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh giám định cổ vật		
5	1.00112 3	Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện		

T T	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính bị bãi bỏ do được thay thế	Quyết định công bố danh mục TTHC	Tên Văn bản quy định việc bãi bỏ TTHC
		kinh doanh giám định cổ vật		và Du lịch.
6	1.00182 2	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề tu bổ di tích		
7	2.00164 1	Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề tu bổ di tích		
8	1.00390 1	Thủ tục cấp chứng chỉ hành nghề tu bổ di tích		
9	1.00200 3	Thủ tục cấp lại chứng chỉ hành nghề tu bổ di tích		

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 344/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 01 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Bãi bỏ Quyết định số 35/2018/QĐ-UBND ngày 21 tháng 9 năm 2018 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về giá tối đa dịch vụ trông giữ xe đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh và bãi bỏ khoản 4 Điều 4 Quyết định số 14/2017/QĐ-UBND ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu quy định giá dịch vụ trông giữ xe trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hoá và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hoá và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 81/TTr-STC-QLG ngày 06 tháng 01 năm 2026 và ý kiến của Sở Tư pháp tại Công văn số 8537/STP-

KTrVB ngày 25 tháng 12 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Bãi bỏ toàn bộ Quyết định số 35/2018/QĐ-UBND ngày 21 tháng 9 năm 2018 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về giá tối đa dịch vụ trông giữ xe đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Bãi bỏ khoản 4 Điều 4 Quyết định số 14/2017/QĐ-UBND ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu quy định giá dịch vụ trông giữ xe trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc các sở, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Công Vinh

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 358/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 01 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt quy trình nội bộ, quy trình điện tử giải quyết
thủ tục hành chính không phụ thuộc vào địa giới hành chính
các lĩnh vực Công nghệ thông tin và Quản lý giá
thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tài chính

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử;

Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Công Dịch vụ công quốc gia;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 18199/TTr-STC ngày 30 tháng 12 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này 02 quy trình nội bộ, quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính không phụ thuộc vào địa giới hành chính các lĩnh vực Công nghệ thông tin và Quản lý giá thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tài chính.

Danh mục và nội dung chi tiết của các quy trình nội bộ được đăng tải trên Cổng

thông tin điện tử của Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố tại địa chỉ <https://vpub.hochiminhcity.gov.vn/portal/KenhTin/Quy-trinh-noi-bo-TTHC.aspx>.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Tài chính tiếp tục theo dõi, kịp thời tham mưu điều chỉnh quy trình nội bộ, quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính không phụ thuộc vào địa giới hành chính khi văn bản quy định thủ tục hành chính được ban hành mới, thay thế, sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ.

2. Cơ quan, đơn vị thực hiện thủ tục hành chính có trách nhiệm:

a) Tuân thủ theo quy trình nội bộ, quy trình điện tử đã được phê duyệt khi tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính cho cá nhân, tổ chức; không tự đặt thêm thủ tục, giấy tờ ngoài quy định pháp luật.

b) Thường xuyên rà soát, cập nhật các quy trình nội bộ, quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính được phê duyệt mới, sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ để triển khai thực hiện.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Bãi bỏ các quy trình nội bộ đã được phê duyệt trước đây đối với thủ tục hành chính nêu tại danh mục kèm theo Quyết định này.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Trung tâm Chuyển đổi Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Mạnh Cường

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

DANH MỤC

**Quy trình nội bộ, quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính
không phụ thuộc vào địa giới hành chính
các lĩnh vực Công nghệ thông tin và Quản lý giá
thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tài chính**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 358/QĐ-UBND ngày 16 tháng 01 năm 2026
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)*

Stt	Tên quy trình nội bộ, quy trình điện tử
I. Lĩnh vực Công nghệ thông tin	
1.	Đăng ký mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách
II. Lĩnh vực Quản lý giá	
2.	Hiệp thương giá

QUY TRÌNH 01**Đăng ký mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 358/QĐ-UBND ngày 16 tháng 01 năm 2026
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố)

I. Quy trình nội bộ

1. Quy trình giải quyết thủ tục: **Đăng ký mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách.**

Mã thủ tục: 2.002206

2. Cách thức thực hiện: Trực tuyến

Nộp hồ sơ trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia: <https://dichvucong.gov.vn/> hoặc Hệ thống cấp mã số cho các đơn vị có quan hệ với Ngân sách <https://mstt.mof.gov.vn>.

3. Hình thức thực hiện: Toàn trình.

4. Thời gian thực hiện: 02 ngày làm việc.

5. Phí lệ phí: Không.

6. Yêu cầu về chuyển hồ sơ cho cơ quan xử lý hồ sơ: Chuyển hồ sơ điện tử.

7. Quy trình thực hiện:

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Ghi chú
Bước 1	Nộp hồ sơ/Nhận kết quả https://dichvucong.gov.vn/ hoặc (https://mstt.mof.gov.vn)	Tổ chức	Trực tuyến	- Nộp hồ sơ: hồ sơ điện tử (đã được số hóa theo quy định), bao gồm các mẫu biểu theo Thông tư số 185/2015/TT-BTC ngày 17/11/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư hướng dẫn đăng ký, cấp và sử dụng mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách (có ký tên, đóng dấu), các văn bản, quyết định có liên quan (để làm căn cứ đăng ký cấp mã số mới hoặc thay đổi thông tin mã số). - Nhận kết quả: trên Hệ thống cấp mã số cho các đơn vị có quan hệ với Ngân sách thông qua tài khoản của tổ chức đã được cấp khi nộp hồ sơ.

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Ghi chú
Bước 1	Nộp hồ sơ/Nhận kết quả https://dichvucong.gov.vn/ hoặc (https://mstt.mof.gov.vn)	Tổ chức	Trực tuyến	- Nộp hồ sơ: hồ sơ điện tử (đã được số hóa theo quy định), bao gồm các mẫu biểu theo Thông tư số 185/2015/TT-BTC ngày 17/11/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư hướng dẫn đăng ký, cấp và sử dụng mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách (có ký tên, đóng dấu), các văn bản, quyết định có liên quan (để làm căn cứ đăng ký cấp mã số mới hoặc thay đổi thông tin mã số). - Nhận kết quả: trên Hệ thống cấp mã số cho các đơn vị có quan hệ với Ngân sách thông qua tài khoản của tổ chức đã được cấp khi nộp hồ sơ.
Bước 2	Tiếp nhận hồ sơ (https://qhns.btc)	Cán bộ phụ trách	04 giờ làm việc	Cán bộ phụ trách tiếp nhận hồ sơ, rà soát, kiểm tra, thẩm định về tính đầy đủ của thành phần hồ sơ.
Bước 3	Xử lý hồ sơ (https://qhns.btc)	Cán bộ phụ trách	04 giờ làm việc	- Trường hợp hồ sơ hợp lệ (đầy đủ nội dung, thành phần, biểu mẫu và số lượng theo quy định) thì tiến hành trình và chuyển trên hệ thống cho lãnh đạo Phòng Công nghệ thông tin. - Trường hợp hồ sơ không hợp lệ (không đầy đủ nội dung, thành phần, biểu mẫu và số lượng theo quy định) thì chuyển trả lại trên hệ thống và hướng dẫn, yêu cầu tổ chức bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định. Khi chuyển trả lại trên hệ thống, phải ghi rõ lý do trả lại, các nội dung hướng dẫn sửa đổi, điều chỉnh, bổ sung. - Việc yêu cầu tổ chức bổ sung, hoàn thiện hồ sơ không quá 01 lần (trừ trường hợp tổ chức không thực hiện theo đúng, đầy đủ nội dung đã hướng dẫn).
Bước 4	Phê duyệt và trả kết quả (https://qhns.btc)	Lãnh đạo phụ	08 giờ làm việc	- Lãnh đạo phụ trách xem xét và phê duyệt hồ sơ.

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Ghi chú
Bước 1	<p>Nộp hồ sơ/Nhận kết quả</p> <p>https://dichvucong.gov.vn/ hoặc (https://mstt.mof.gov.vn)</p>	Tổ chức	Trực tuyến	<p>- Nộp hồ sơ: hồ sơ điện tử (đã được số hóa theo quy định), bao gồm các mẫu biểu theo Thông tư số 185/2015/TT-BTC ngày 17/11/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư hướng dẫn đăng ký, cấp và sử dụng mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách (có ký tên, đóng dấu), các văn bản, quyết định có liên quan (để làm căn cứ đăng ký cấp mã số mới hoặc thay đổi thông tin mã số).</p> <p>- Nhận kết quả: trên Hệ thống cấp mã số cho các đơn vị có quan hệ với Ngân sách thông qua tài khoản của tổ chức đã được cấp khi nộp hồ sơ.</p>
	btc)	trách		<p>- Chuyển trên hệ thống.</p> <p>- Hệ thống tự động xử lý hồ sơ đã được phê duyệt.</p>

II. Quy trình điện tử

	Tổ chức	Bộ phận một cửa/ Tổ địa bàn	Cán bộ phụ trách tiếp nhận hồ sơ	Cán bộ phụ trách xem xét	Lãnh đạo phụ trách	Văn thư
Nộp hồ sơ/ Nhận kết quả	<div style="border: 1px solid blue; padding: 5px; width: fit-content;"> Thực hiện trực tuyến tại Cổng DVCQG/ Hệ thống cấp mã số cho các đơn vị có quan hệ với Ngân sách </div>					
Tiếp nhận hồ sơ		Nộp HS trực tuyến	<div style="border: 1px solid blue; padding: 5px; width: fit-content;"> Kiểm tra (thành phần, số lượng) </div>	Sai = Trả lại	Sai = Trả lại	
Xử lý hồ sơ			Đủ, đúng = Tiếp nhận	<div style="border: 1px solid blue; padding: 5px; width: fit-content;"> Kiểm tra (nội dung) </div>		
Phê duyệt và trả kết quả				Đúng = Xem xét	<div style="border: 1px solid blue; padding: 5px; width: fit-content;"> Kiểm tra (nội dung) </div>	

Lưu ý: Các bước tại quy trình nêu trên đã bao gồm các thao tác số hóa theo mặc định của Hệ thống thông tin giải quyết TTHC. Căn cứ quy chế làm việc các đơn vị có thể bổ sung hoặc lược bỏ các bước để đảm bảo giải quyết hồ sơ nhanh chóng nhưng tổng thời gian các bước không được lớn hơn thời gian giải quyết theo quy định./.

QUY TRÌNH 02**Hiệp thương giá**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 358/QĐ-UBND ngày 16 tháng 01 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)

I. Quy trình nội bộ**1. Quy trình giải quyết thủ tục Hiệp thương giá**

Mã thủ tục: 1.012735

2. Cách thức thực hiện:

- Trực tiếp tại Bộ phận Một cửa:

+ Trung tâm Phục vụ Hành chính công Thành phố.

+ Trung tâm Phục vụ Hành chính công cấp xã.

- Trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia: <https://dichvucong.gov.vn/>.

3. Hình thức thực hiện: Toàn trình.**4. Thời gian thực hiện:**

- Thời hạn rà soát văn bản đề nghị hiệp thương giá: tối đa 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị hiệp thương giá (tính theo dấu công văn đến hoặc qua dịch vụ công trực tuyến);

- Thời hạn để các bên bổ sung thông tin nếu văn bản đề nghị hiệp thương giá không đúng quy định: tối đa 15 ngày làm việc (tính theo dấu công văn đến hoặc qua dịch vụ công trực tuyến);

- Thời hạn tổ chức hiệp thương giá: tối đa 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị hiệp thương giá đủ điều kiện theo quy định (tính theo dấu công văn đến hoặc qua dịch vụ công trực tuyến).

5. Phí, lệ phí:

- Chi phí thuê đơn vị tư vấn xác định mức giá hàng hóa, dịch vụ trong trường hợp bên mua và bên bán không thỏa thuận được mức giá tại hội nghị hiệp thương giá và tiếp tục đề nghị Cơ quan hiệp thương giá (Sở quản lý ngành, lĩnh vực của hàng hóa, dịch vụ) xác định mức giá để hai bên thực hiện.

- Bên mua và bên bán trực tiếp ký kết hợp đồng với tổ chức tư vấn và thanh toán

chi phí thực hiện dịch vụ cho tổ chức tư vấn theo mức và thời hạn mà tổ chức đó yêu cầu. Chi phí thuê tổ chức tư vấn xác định mức giá hàng hóa, dịch vụ do bên mua và bên bán đồng chi trả.

6. Yêu cầu về chuyển hồ sơ cho cơ quan xử lý hồ sơ: Chuyển hồ sơ điện tử.

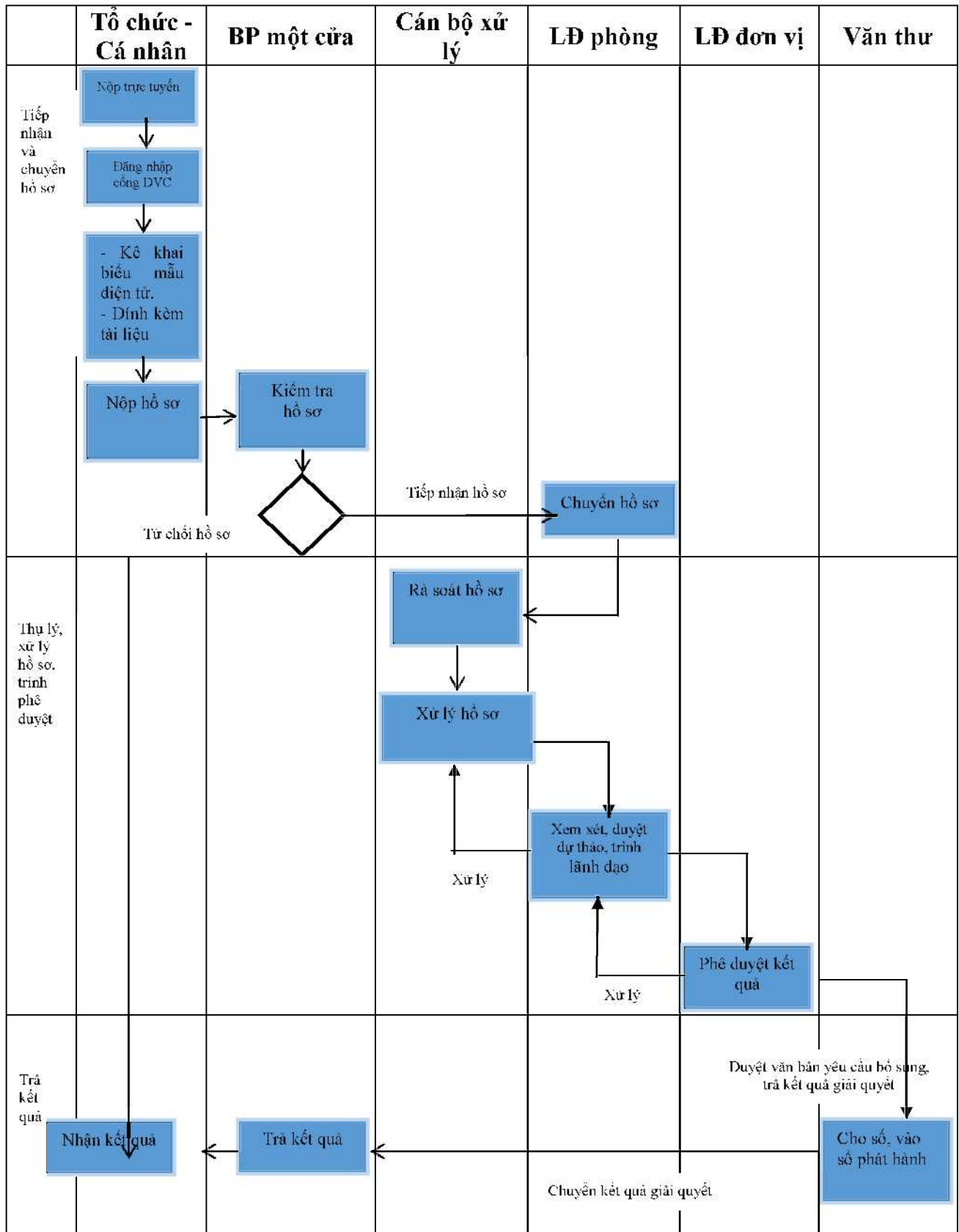
7. Quy trình thực hiện:

Các bước thực hiện	Nội dung công việc	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian xử lý	Ghi chú
Bước 1	Kiểm tra, tiếp nhận và chuyển hồ sơ cho Sở quản lý ngành, lĩnh vực của hàng hóa, dịch vụ	Bộ phận Một cửa	0,5 ngày làm việc	Tiếp nhận và chuyển hồ sơ không quá 08 giờ làm việc kể từ khi Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tiếp nhận hồ sơ. Hồ sơ của bên mua, bên bán (Mẫu số 01, Phụ lục IV, Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ)
Bước 2	Phân công xử lý	Lãnh đạo Phòng Chuyên môn	0,5 ngày làm việc	Kiểm tra hồ sơ, phân công chuyên viên xử lý.
Bước 3	Xử lý hồ sơ	Chuyên viên	21 ngày làm việc (đối với hồ sơ đầy đủ và hợp lệ)	Trường hợp hồ sơ đề nghị hiệp thương giá đúng quy định: Rà soát, xử lý hồ sơ theo đúng quy định của pháp luật. - Dự thảo Biên bản hội nghị Hiệp thương giá (Mẫu số 02, Phụ lục IV, Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ) - Dự thảo văn bản xác định mức giá (Văn bản xác định mức giá trong trường hợp quy định tại khoản 5 Điều 27 Luật Giá 2023).
			36 ngày làm việc	- Dự thảo văn bản đề nghị các bên bổ sung hồ sơ đúng

Các bước thực hiện	Nội dung công việc	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian xử lý	Ghi chú
			<i>(đối với văn bản đề nghị hiệp thương giá không đúng quy định)</i>	<p>theo quy định.</p> <p><i>Thời hạn để các bên bổ sung thông tin nếu văn bản đề nghị hiệp thương giá không đúng quy định: tối đa 15 ngày làm việc (tính theo dấu công văn đến hoặc qua dịch vụ công trực tuyến)</i></p> <p>- Sau khi nhận được hồ sơ bổ sung theo quy định, thực hiện rà soát, xử lý hồ sơ theo đúng quy định của pháp luật.</p> <p>+ Dự thảo Biên bản hội nghị Hiệp thương giá (Mẫu số 02, Phụ lục IV, Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ)</p> <p>+ Dự thảo văn bản xác định mức giá (Văn bản xác định mức giá trong trường hợp quy định tại khoản 5 Điều 27 Luật Giá 2023).</p>
Bước 4	Xem xét, duyệt hồ sơ	Lãnh đạo phòng chuyên môn	01 ngày làm việc	Xem xét, ký duyệt trình Lãnh đạo Sở quản lý ngành, lĩnh vực của hàng hóa, dịch vụ.
Bước 5	Phê duyệt kết quả	Lãnh đạo Sở quản lý ngành, lĩnh vực của hàng hóa, dịch vụ	1,5 ngày làm việc	Xem xét, ký duyệt văn bản xác định mức giá.
Bước 6	Phát hành	Văn thư Sở quản lý ngành, lĩnh vực	0,5 ngày làm việc	- Ký số kết quả giải quyết thủ tục hành chính, cập nhật hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính.

Các bước thực hiện	Nội dung công việc	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian xử lý	Ghi chú
		của hàng hóa, dịch vụ		- Chuyển kết quả đến Bộ phận Một cửa nơi tiếp nhận hồ sơ theo quy định.
Bước 7	Trả kết quả	Bộ phận Một cửa	Theo giấy hẹn	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra kết quả điện tử đảm bảo đúng quy định trước khi trả kết quả giải quyết TTHC. Trường hợp không ký số theo quy định trả hồ sơ thực hiện lại bước phát hành. - Lưu kho hồ sơ, thống kê và theo dõi, báo cáo. - Trả kết quả giải quyết TTHC.

II. Quy trình điện tử



**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 380/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 01 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Về bãi bỏ Chỉ thị số 17/2013/CT-UBND ngày 31 tháng 10 năm 2013
của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc triển khai thi hành
Luật Xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 02 năm 2025; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;

Theo đề nghị của Sở Tư pháp tại Tờ trình số 5849/TTr-STP-THPL ngày 29 tháng 10 năm 2025 về việc ban hành Quyết định bãi bỏ Chỉ thị số 17/2013/CT-UBND ngày 31 tháng 10 năm 2013 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc triển khai thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

QUYẾT ĐỊNH:**Điều 1. Bãi bỏ Chỉ thị**

Bãi bỏ toàn bộ Chỉ thị số 17/2013/CT-UBND ngày 31 tháng 10 năm 2013 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc triển khai thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Tư pháp, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường, xã, đặc khu và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Văn Bảy

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 381/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 01 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Về bãi bỏ các Quyết định của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và tỉnh
Bà Rịa - Vũng Tàu ban hành các Quy chế phối hợp quản lý nhà nước trong công
tác quản lý xử lý vi phạm hành chính và công tác bồi thường nhà nước**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 02 năm 2025; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12 tháng 06 năm 2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 8787/TTr-STP-THPL ngày 31 tháng 12 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:**Điều 1. Bãi bỏ toàn bộ 03 quyết định**

1. Quyết định số 40/2023/QĐ-UBND ngày 11 tháng 9 năm 2023 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quy chế phối hợp quản lý nhà nước công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Quyết định số 103/2024/QĐ-UBND ngày 11 tháng 11 năm 2024 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quy chế phối hợp quản lý nhà nước về công tác bồi thường nhà nước trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Quyết định số 34/2023/QĐ-UBND ngày 11 tháng 7 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu ban hành Quy chế thực hiện công tác bồi thường nhà nước trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Điều 2. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Tư pháp, Thủ trưởng các sở, ban, ngành Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các phường, xã, đặc khu và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Văn Bảy

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 382/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 01 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Về bãi bỏ các văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân
Thành phố Hồ Chí Minh, tỉnh Bình Dương, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
trước sắp xếp thuộc lĩnh vực an ninh, trật tự**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 02 năm 2025; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 15 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;

Theo đề nghị của Công an Thành phố tại Tờ trình số 4867/TTr-CATP ngày 26 tháng 12 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:**Điều 1. Bãi bỏ toàn bộ các văn bản quy phạm pháp luật**

Bãi bỏ toàn bộ 16 văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, tỉnh Bình Dương, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (trước sắp xếp) thuộc lĩnh vực an ninh, trật tự.

1. Quyết định số 97/2001/QĐ-UB ngày 30 tháng 10 năm 2001 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc cho phép Lực lượng Thanh niên xung phong thành phố được tiếp nhận, tổ chức cai nghiện đối với người nghiện ma túy bị xử lý vi phạm hành chính.

2. Quyết định số 70/2007/QĐ-UBND ngày 14 tháng 9 năm 2007 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu ban hành Quy định về công tác phối hợp phòng, chống tội phạm trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông và công nghệ thông tin trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

3. Quyết định số 10/2013/QĐ-UBND ngày 08 tháng 3 năm 2013 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quy định về quản lý người sau cai nghiện tại nơi cư trú trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Quyết định số 34/2013/QĐ-UBND ngày 04 tháng 11 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của câu lạc bộ phòng, chống tội phạm trên địa bàn tỉnh Bình Dương.

5. Quyết định số 25/2019/QĐ-UBND ngày 21 tháng 11 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương ban hành Quy định về nhiệm vụ, quyền hạn bảo đảm an ninh, trật tự trên địa bàn tỉnh Bình Dương.

6. Quyết định số 16/2020/QĐ-UBND ngày 07 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quy chế thực hiện liên thông nhóm thủ tục cấp Phiếu lý lịch tư pháp và cấp Giấy phép lao động cho người nước ngoài làm việc tại Thành phố Hồ Chí Minh.

7. Quyết định số 11/2021/QĐ-UBND ngày 28 tháng 6 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu ban hành Quy chế phối hợp trong tra cứu, xác minh, trao đổi, cung cấp thông tin lý lịch tư pháp và cấp Phiếu lý lịch tư pháp trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

8. Quyết định số 05/2022/QĐ-UBND ngày 22 tháng 01 năm 2022 của Ủy ban

nhân dân tỉnh Bình Dương ban hành Quy định về an toàn phòng cháy, chữa cháy đối với nhà ở riêng lẻ và nhà ở kết hợp sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh Bình Dương.

9. Quyết định số 39/2022/QĐ-UBND ngày 13 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ một số điều của Quy chế tổ chức và hoạt động của Câu lạc bộ phòng, chống tội phạm trên địa bàn tỉnh Bình Dương ban hành kèm theo Quyết định số 34/2013/QĐ-UBND ngày 04 tháng 11 năm 2013 của Ủy ban tỉnh Bình Dương.

10. Quyết định số 25/2024/QĐ-UBND ngày 10 tháng 9 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương ban hành Quy chế phối hợp lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc trên địa bàn tỉnh Bình Dương.

11. Quyết định số 57/2024/QĐ-UBND ngày 20 tháng 11 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương ban hành Quy định khu vực bảo vệ, khu vực cấm tập trung đông người; cấm ghi âm, ghi hình, chụp ảnh trên địa bàn tỉnh Bình Dương.

12. Chỉ thị số 14/2010/CT-UBND ngày 15 tháng 5 năm 2010 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về tăng cường công tác tuyên truyền về phòng cháy và chữa cháy trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

13. Chỉ thị số 23/2010/CT-UBND ngày 29 tháng 10 năm 2010 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về tăng cường công tác phòng cháy và chữa cháy chợ, siêu thị, trung tâm trên địa bàn Thành phố.

14. Chỉ thị số 19/2012/CT-UBND ngày 11 tháng 07 năm 2012 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về tăng cường công tác xây dựng phong trào toàn dân tham gia phòng cháy và chữa cháy trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

15. Chỉ thị số 22/2013/CT-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về triển khai thực hiện các biện pháp ngăn chặn cháy lớn trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

16. Chỉ thị số 06/2015/CT-UBND ngày 06 tháng 3 năm 2015 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc triển khai thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy.

Điều 2. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Công an Thành phố, Thủ trưởng các sở, ban, ngành Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu và các tổ chức, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM.ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Văn Bảy

VĂN PHÒNG UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 86 Lê Thánh Tôn, phường Sài Gòn

Điện thoại: (028)38.233.686

Fax:(028)38.233.694

Email: tcb.ubnd@tphcm.gov.vn

Website: <https://congbao.hochiminhcity.gov.vn>